*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**BÀI 2**

**KHÚC NHẠC TÂM HỒN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

*“Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát*

*Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh”*

(Lưu Quang Vũ)

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**I. Năng lực**

**1. Năng lực đặc thù: Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học (Chủ đề bài 2):**

- **HS biết cách đọc hiểu** một văn bản thơ bốn chữ và năm chữ.

- Mở rộng kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ cùng thể loại ngoài sách giáo khoa.

- **HS nhận biết** được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.

- **HS biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc** sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- **HS trình bày được** ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**2. Năng lực chung:**

**- Tự học:** Tự quyết định cách thức giải quyết nhiệm vụ học tập, tự đánh giá được quá trình và kết quả giải quyết vấn đề học tập của bản thân.

**- Giao tiếp và hợp tác**: Tăng cường sự tương tác với bạn trong tổ nhóm học tập để thực hiện nhiệm vụ một cách tốt nhất.

**- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập của cá nhân cũng như nhóm học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

**II. Phẩm chất**

**-** Biết trân trọng tình cảm, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương đất nước; hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, bài tập đọc hiểu tham khảo.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

BUỔI:

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

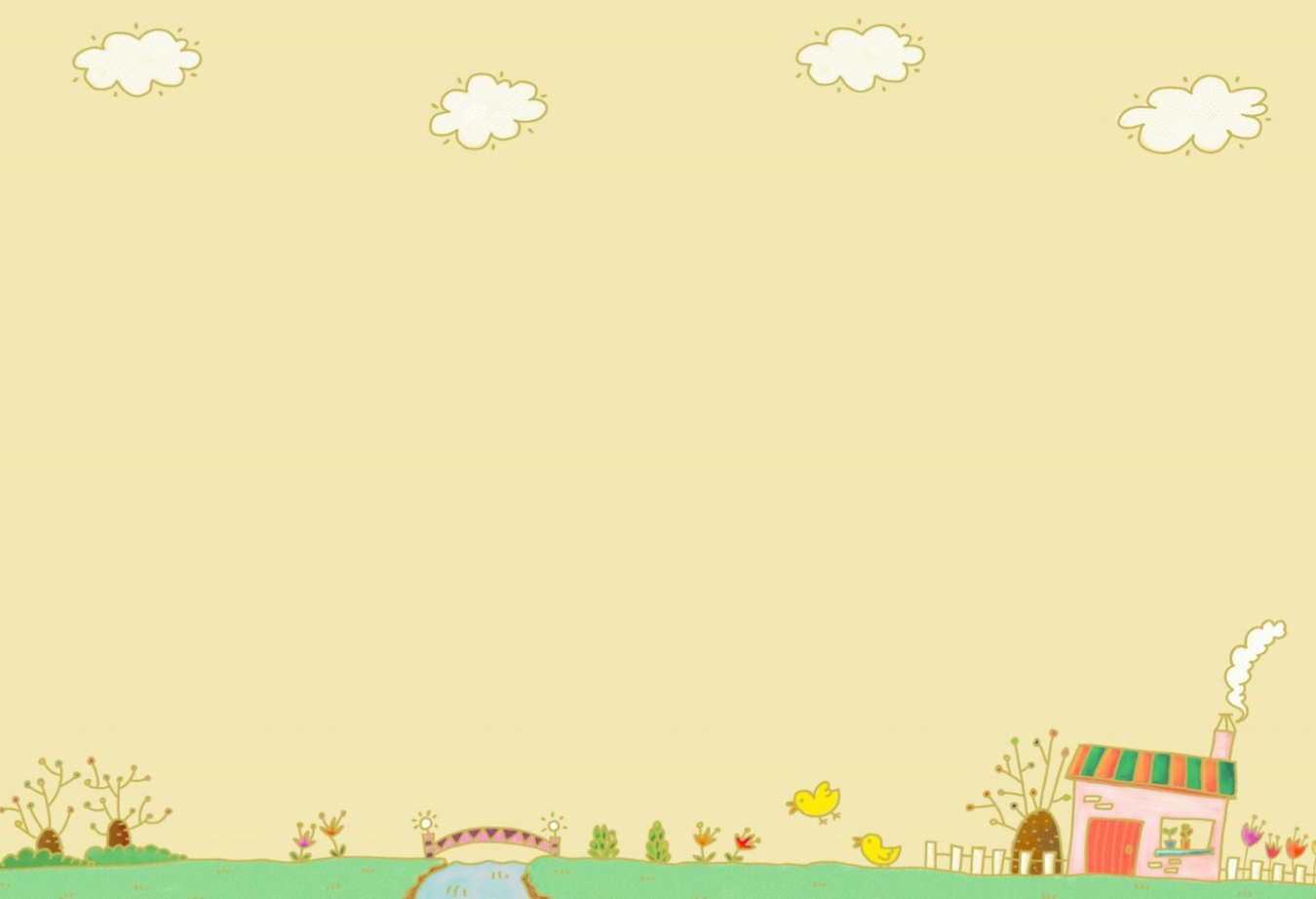
- GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập 01: Viết theo trí nhớ những nội dung bài học 02. Thời gian: 04 phút.

- HS làm việc cá nhân, hoàn thành Phiếu học tập 01.

**-** GV gọi 1 số HS trả lời nhanh các nội dung của Phiếu học tập.

- GV nhận xét, biểu dương HS phát biểu tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 2:

****

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | Văn bản 1:……………………………………………………… |
| Văn bản 2: ……………………………………………………… |
| Văn bản 3: ……………………………………………………… |
| Thực hành tiếng Việt:……………………………………………………….. |
| Viết | ………………………………………………………………….. |
| Nói và nghe | ………………………………………………………………………………. |

**PHIẾU HỌC TẬP 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| Đọc – hiểu văn bản | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Đồng dao mùa xuân* (Nguyễn Khoa Điềm); |
| ***+ Văn bản 2:*** *Gặp lá cơm nếp* (Thanh Thảo); |
| ***+ Văn bản 3:*** *Trở gió* (Nguyễn Ngọc Tư); |
| - VB thực hành đọc:  *Chiều sông Thương* (Hữu Thỉnh). |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Biện pháp tu từ: Nói giảm nói tránh. |
| Viết | **Viết:** Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; Viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. |
| Nói và nghe | **Nói và nghe:** Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống. |

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **A. MỘT SỐ YẾU TỐ HÌNH THỨC THỂ THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ** | |
| \*GV nêu câu hỏi cho HS nhắc lại các kiến thức lí thuyết:  *1) Một số yếu tố về hình thức thể thơ bốn chữ và năm chữ.*  *2) Cách đọc hiểu một bài thơ bốn chữ và năm chữ.*  \*HS ôn lại kiến thức, lên bảng thực hiện các yêu cầu. GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm. | |  |  | | --- | --- | | 1. Số chữ (tiếng): | Mỗi dòng bốn chữ. | | 2. Cách gieo vần: | - Vần chân: đặt cuối dòng;  - Vần liền: gieo liên tiếp;  - Vần cách: Đặt cách quãng.  *\*Một bài thơ có thể phối hợp nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),..* | | 3. Cách ngắt nhịp: | - 2/2 hoặc 3/1.  (nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ). | | 4. Hình ảnh thơ: | - Dung dị, gần gũi *(Gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện).* |   **1. Một số yếu tố hình thức của thể thơ 4 chữ**  **2. Một số yếu tố hình thức của thể thơ năm chữ**   |  |  | | --- | --- | | 1. Số chữ (tiếng): | Mỗi dòng năm chữ. | | 2. Cách gieo vần: | - Vần chân: đặt cuối dòng;  - Vần liền: gieo liên tiếp;  - Vần cách: đặt cách quãng.  *\*Một bài thơ có thể phối hợp nhiều cách gieo vần (vần hỗn hợp),..* | | 3. Cách ngắt nhịp: | - 2/3 hoặc 3/2. *(nhịp thơ có thể ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ).* | | 4. Hình ảnh thơ: | - Dung dị, gần gũi *(gần với đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện).* |   **3. Cách đọc hiểu văn bản thơ bốn chữ và năm chữ.**  - Xác định và nhận diện các đặc điểm của thể thơ như: *số chữ, cách gieo vần, ngắt nhịp;*  - Đánh giá tác dụng của cách gieo vần, ngắt nhịp trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả;  - Tìm hiểu ý nghĩa của các chi tiết, hình ảnh có trong bài thơ;  - Tìm hiểu tâm trạng cảm xúc của tác giả. Qua đó, lí giải đánh giá và liên hệ với những kinh nghiệm sống thực tiễn của bản thân. |
| **HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**  - Hoàn thiện các nội dung của tiết học;  - Đọc lại VB *Đồng dao mùa xuân* của Nguyễn Khoa Điềm. | |
| **B. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN** | |
| **VĂN BẢN 1: *ĐỒNG DAO MÙA XUÂN* (Nguyễn Khoa Điềm)** | |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm. | **I. Kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm**  **1. Tác giả Nguyễn Khoa Điềm**  - Sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên-Huế.  - Ông là nhà thơ chiến sĩ, một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ ca kháng chiến chống Mĩ.  - Thơ ông tập trung thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết với nhiều suy tư sâu sắc.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Đất ngoại ô* (1973; *Mặt đường khát vọng* (1974); *Ngôi nhà có ngọn lửa ấm* (1986)…  **2. Văn bản “*Đồng dao mùa xuân”***  **\*Thể loại:** Thơ bốn chữ.  **\*Giọng điệu:** nhẹ nhàng, xúc động, sâu lắng.  **\*Bố cục:** 3 phần - Khổ 1,2: Giới thiệu khái quát về người lính;  - Khổ 3,4,5,6: Hình ảnh người lính nằm lại nơi chiến trường;  - Khổ 7,8,9: Tình cảm, cảm xúc đối với người lính.  **\*Đề tài:** Người lính.  **3. Đặc điểm về vần, nhịp, khổ của bài thơ**  **a. Cách chia khổ và ý nghĩa:**  - Bài thơ được chia thènh chín khổ. Hầu hết các khổ đều có bốn dòng. Tuy nhiên có hai khổ đầu khác biệt với các khổ còn lại.  + Khổ một kể lại sự kiện người lính lên đường ra chiến trường, gồm ba dòng thơ, tạo nên một sự lửng lơ, khiến người đọc có tâm trạng chờ đợi được đọc câu chuyện tiếp theo về anh...  + Khổ hai kể về sự ra đi của người lính chỉ vỏn vẹn trong hai dòng, diễn tả sự hi sinh bất ngờ, đột ngột giữa lúc tuổi xanh, thể hiện tâm trạng đau thương của nhà thơ, đồng thời gợi lên trong người đọc niềm tiếc thương sâu sắc.  **b. Đặc điểm hình thức thể thơ bốn chữ:**  **Số tiếng trong mỗi dòng:**  - Mỗi dòng có bốn tiếng.  - Ngắn gọn, dứt khoát, sắc nét; ghi vào kí ức người đọc hình tượng người lính đã anh dũng hi sinh giữa lúc tuổi đời còn rất trẻ.  **Cách gieo vần:**  - Sử dụng vần chân ở dầu hết các dòng thơ. VD: lính-bình; lửa-nữa;…  - Nhẹ nhàng, âm vang.  **Ngắt nhịp:**  - Nhịp chẵn (2/2);  - Nhịp 1/3.  - Biến tấu tự nhiên, linh hoạt, nhịp nhàng, mang âm hưởng đồng dao;  - Tách riêng động từ “có”, chỉ sự tồn tại, nhấn mạnh, khắc sâu ấn tượng về sự hiện diện của người lính; đối lập với dòng thơ thứ năm cũng có nhịp 1/3 nhấn mạnh sự không về của anh. Thế tương phản có - không nói lên sự mất mát, gợi cám xúc tiếc thương, bùi ngùi.  **4. Hình ảnh người lính**  **a. Câu chuyện về cuộc đời người lính**  - Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ, còn mê thả diều, như vừa qua tuổi thiếu niên. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận.  - Trong một trận chiến ác liệt, anh đã anh dũng hi sinh, vĩnh viễn nằm lại dưới những cánh rừng đại ngàn. Những hình ảnh hào hùng mà cũng rất đỗi khiêm nhường, dung dị của anh còn mãi trong tâm trí của “nhân gian”.  **b. Vẻ đẹp hình ảnh người lính:** Tuổi đời còn rất trẻ; dũng cảm kiên cường; yêu nước; giản dị, khiêm nhường, hiền hậu.  **\*Biểu hiện:**  - Tư thế: *Anh ngồi lặng lẽ/ Dưới cội mai vàng; Anh ngồi rực rỡ/ màu hoa đại ngàn;*  - Trang phục: *Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh.*  - Diện mạo, dáng vẻ: *Làn da sốt rét; Mắt như suối biếc/Vai đầy núi non…; Cái cười hiền lành.*  **5. Tình cảm, cảm xúc đối với người lính:** *niềm thương xót, tự hào, cảm phục, biết ơn những người lính đã hi sinh tuổi xanh, hi sinh cuộc đời cho độc lập dân tộc.*  *+ Bạn bè mang theo:* Dòng thơ này nói lên tình cảm của đồng đội dành cho người lính trẻ đã hi sinh. Hình ảnh *anh* sẽ được bạn bè thương nhớ, lưu giữ, mang theo suốt cuộc đời. Sự hi sinh của *anh* đã tiếp thêm cho đồng đội sức mạnh, niềm tin trong những trận chiến đấu tiếp theo.  *+ Dài bao thương nhớ/ Mùa xuân nhân gian:* Hai dòng thơ này có thể hiểu theo nhiều cách. Thứ nhất, có thể hiểu là nỗi thương nhớ những mùa xuân nhân gian tươi đẹp của người lính đã hi sinh. Thứ hai, cũng có thể hiểu là nỗi nhớ thương những người con anh dũng dài theo năm tháng của nhân gian.  **6. Khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ bốn chữ, gần gũi với đồng dao;  - Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt;  - Giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, sâu lắng;  - Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, xúc động.  **b. Nội dung – Ý nghĩa**  - Ca ngợi sự hi sinh anh dũng của những người lính trẻ và tình cảm tự hào, nhớ thương sâu nặng của đồng đội, đồng bào.  - Thể hiện lòng biết ơn những người lính đã dâng hiến tuổi trẻ của mình để cho những mùa xuân đất nước mãi trường tồn. |
| **\*Nhiệm vụ:**  - GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu bài thơ.  **\*Cách thực hiện:**  - GV lần lượt chiếu các bài tập.  - Yêu cầu HS đọc đề, xác định yêu cầu.  - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc theo nhóm học tập. Sau đó HS báo cáo bổ sung cho nhau.  - GV cung cấp đáp án và đánh giá, kết luận kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS. | **II. Luyện tập** |

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc kĩ bài thơ *Đồng dao mùa xuân*** **và trả lời các câu hỏi:**

**Câu 1.** Dấu hiệu nào giúp em biết bài thơ *Đồng dao mùa xuân* thuộc thể thơ bốn chữ?

**Câu 2.** Bài thơ *Đồng dao mùa xuân* được gieo vần như thế nào?

**Câu 3.** Em hãy chỉ ra cách ngắt nhịp và tác dụng của cách ngắt nhịp trong bài thơ.

**Câu 4.** Hãy xác định một số hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ. Hình ảnh nào là trung tâm, xuyên suốt bài thơ?

**Câu 5.** Em cảm nhận như thế nào về ba khổ thơ cuối?

**Câu 6.** Cảm xúc chủ đạo của bài thơ *Đồng dao mùa xuân* là gì?

**Câu 7.** Tình cảm của tác giả được thể hiện trong bài thơ như thế nào?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 1:**

**Câu 1,2,3.** HS dựa vào kiến thức đã học để trả lời.

**Câu 4.** Một số hình ảnh tiêu biểu trong bài thơ: người lính, Trường Sơn núi cũ, bom nổ, hoa đại ngàn, suối biếc, ngày xuân,…

Hình ảnh trung tâm bao trùm, xuyên suốt cả bài thơ là hình ảnh người lính. Đó là người còn rất trẻ (*Chưa một lần yêu/Cà phê chưa uống/Còn mê thả diều*); dũng cảm kiên cường; giản dị, khiêm nhường (*Ba lô con cóc/Tấm áo màu xanh/Làn da sốt rét/Cái cười hiền lành*); Yêu nước và sẵn sàng hi sinh tuổi xuân để bảo vệ đất nước, Tổ quốc (*Một lần bom nổ/Khói đen rừng chiều/Anh thành ngọn lửa/Bạn bè mang theo*).

**Câu 5.** Đây là câu hỏi mở, tuỳ cảm nhận của HS, nhưng cần chú ý các yếu tố như: Tư thế của người lính; không gian, thời gian được miêu tả,…

->Ba khổ thơ thể hiện sự hiện hữu của người lính bất tử cùng thời gian và nhân gian; tấm lòng trân trọng, biết ơn những người lính đã hi sinh để làm nên mùa xuân cho đất nước.

**Câu 6.** Bài thơ *Đồng dao muà xuân* là một khúc hát đồng dao ca ngợi sự bất tử của người lính trẻ. Hình ảnh của các anh còn mãi trong lòng nhân dân như mùa xuân trường tồn cùng vũ trụ. Bài thơ cũng là sự biết ơn sâu sắc của nhân dân và những người đang sống trong hoà bình dành cho các anh – những người lính dũng cảm đã hi sinh cả cuộc đời mình cho đất nước bình yên. Có những tuổi hai mươi như thế: trẻ trung, dũng cảm và sẵn sàng hiến dâng cho Tổ quốc: “*Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc/ Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?”* (Thanh Thảo).

**Câu 7.** Tình cảm: tiếc thương, lòng biết ơn, trân trọng và tự hào về những người lính còn rất trẻ đã sẵn sàng hi sinh tuổi xanh và cuộc đời mình cho độc lập của dân tộc. Đất nước Việt Nam đã có biết bao những người con hi sinh như thế để đem lại hoà bình cho chúng ta hôm nay. Dân tộc Việt Nam và các thế hệ hôm nay vẫn luôn nhớ tới các anh.

**LÀM VĂN**

**(Viết kết nối đọc)**

**Đề bài:** Từ bài thơ *Đồng dao mùa xuân*, em hãy viết một đoạn văn (*khoảng 7 đến 10 câu*) trình bày suy nghĩ gì về trách nhiệm của bản thân đối với gia đình, quê hương đất nước.

**\*GỢI Ý:**

**1. Xác định yêu cầu của đề:**

**a. Kiểu loại:** Văn nghị luận.

**b. Hình thức:** Đoạn văn (dung lượng 7 đến 10 câu).

**c. Vấn đề:** Suy nghĩ về trách nhiệm của bản thân đối với gia đình, quê hương đất nước.

**2. Định hướng dàn ý:**

*- Trách nhiệm là gì:*

*- Trách nhiệm với gia đình là gì?*

*- Trách nhiệm với quê hương đất nước được biểu hiện cụ thể bằng những việc làm như thế nào?*

**RUBRICS**

**Đánh giá đoạn văn suy nghĩ**

**về trách nhiệm với gia đình, quê hương đất nước**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí,**  **mức điểm** | **Yêu cầu cần đảm bảo** |
| **1. Hình thức (0,5đ)** | Đoạn văn (Viết hoa từ chỗ xuống dòng đến chỗ chấm xuống dòng, diễn đạt trôi chảy). |
| **2. Dung lượng (0,5đ)** | Khoảng 7 đến 10 câu (Có đánh số thứ tự câu văn). |
| **3. Nội dung (6,5đ)** | Suy nghĩ về trách nhiệm của bản thân:  - Đối với gia đình: biết trân trọng, giữ gìn bản thân; sống cần có tình yêu thương, sự quan tâm chia sẻ, nhường nhịn; tự giác chăm chỉ giúp đỡ cha mẹ, học tập thật tốt, nghe lời ông bà cha mẹ,...  - Đối với quê hương đất nước: biết yêu thương, đoàn kết và giúp đỡ những người xung quanh; có nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn và bảo vệ tổ quốc; tự hào gắn bó với quê hương; tích cực tham gia lao động và các hoạt động xã hội; chung tay xây dựng đất nước ngày một giàu đẹp,… |
| **5. Lập luận (0,5đ)** | Lập luận chặt chẽ, có hệ thống. |
| **4. Liên kết câu và đoạn văn( 0,5đ)** | Câu văn có sự liên kết chặt chẽ về hình thức. |
| **5. Sáng tạo, chữ viết( 10đ)** | Có sáng tạo trong cách diễn đạt, chữ viết đúng chính tả ngữ pháp. |
| **6. Trình bày (0,5đ)** | Trình bày rõ ràng, sạch đẹp. |

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

“*Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình/Tuổi hai mươi làm sao không tiếc?/Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ Quốc*? (Trường ca “*Những người đi tới biển*”, Thanh Thảo) (1). Những câu thơ trên đã thể hiện sâu sắc lí tưởng cao đẹp của thế hệ trẻ thời chống Mĩ cứu nước (2). Qua đó, tác giả nhắc nhở mỗi chúng ta hôm nay: Ở bất cứ thời đại, hoàn cảnh nào, mỗi con người luôn phải ý thức trách nhiệm của mình đối với gia đình, quê hương đất nước (3). Trách nhiệm là việc mà mỗi người phải làm và phải có ý thức với những việc làm đó(4). Trách nhiệm là bổn phận rất cao đẹp, giúp mỗi người hoàn thiện nhân cách, tạo ra lối sống đẹp, được mọi người yêu mến, tôn trọng (5). Trước hết, đối với gia đình, mỗi thành viên cần biết trân trọng, giữ gìn bản thân, sống có tình yêu thương, quan tâm chia sẻ, nhường nhịn lẫn nhau,…(6). Trong công việc hằng ngày phải tự giác chăm chỉ giúp đỡ cha mẹ, học tập thật tốt để ông bà cha mẹ yên tâm,...(7). Cuối cùng đối với quê hương đất nước, bản thân mỗi người cũng phải biết đoàn kết, yêu thương, sẵn lòng giúp đỡ những người xung quanh; có nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn và bảo vệ Tổ quốc; luôn biết tự hào gắn bó với quê hương, vun đắp tình làng nghĩa xóm tốt đẹp; tích cực tham gia lao động và các hoạt động xã hội….để cùng chung tay xây dựng đất nước ngày một giàu đẹp,…(8). Như vậy để có một đất nước tươi đẹp, sánh vai với các cường quốc năm châu, mỗi người cần góp công sức của mình trong từng việc nhỏ hàng ngày, luôn nỗ lực phấn đấu không ngừng trong lao động, học tập để khẳng định bản lĩnh, tài năng cá nhân và phục vụ cống hiến cho đất nước, sẵn sàng có mặt khi Tổ quốc cần (9).

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thành các nội dung ôn tập.

- Chuẩn bị cho buổi học sau: Tìm đọc các bài thơ bốn chữ: “*Mẹ” “Thả diều*” của Trần Đăng Khoa; *“Con chim chiền chiện”* của Huy Cận.

**LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU THƠ BỐN CHỮ**

**NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**MẸ**

**ĐỖ TRUNG LAI**

|  |  |
| --- | --- |
| **MẸ**  *Lưng mẹ còng rồi Cau thì vẫn thẳng Cau-ngọn xanh rờn Mẹ-đầu bạc trắng  Cau ngày càng cao Mẹ ngày một thấp Cau gần với giời Mẹ thì gần đất!  Ngày con còn bé Cau mẹ bổ tư Giờ cau bổ tám Mẹ còn ngại to!* | *Một miếng cau khô Khô gầy như mẹ Con nâng trên tay Không cầm được lệ  Ngẩng hỏi giời vậy -Sao mẹ ta già? Không một lời đáp Mây bay về xa.*  (Đỗ Trung Lai, *Đêm sông Cầu*, NXB Quân đội nhân dân, 2003) |

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc bài thơ *Mẹ* của Đỗ Trung Lai và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Xác định thể thơ, vần, nhịp.

**Câu 2.** Nêu chủ đề của bài thơ.

**Câu 3.** Hình ảnh nào trong bài thơ được đối sánh với hình ảnh mẹ, ở những phương diện nào? Liệt kê những từ ngữ được hình ảnh thể hiện? Vì sao tác giả lại lựa chọn hình ảnh đó?

**Câu 4.** Để thể hiện hình tượng người mẹ và cau, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Chỉ ra tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

**Câu 5.** Hai câu thơ "*Cau gần với giời/Mẹ thì gần đất*" gợi cho em cảm xúc, suy nghĩ gì?

**Câu 6.** Trong 14 câu thơ đầu, nét tương đồng duy nhất giữa mẹ và cau thể hiện qua câu thơ nào? Chỉ ra cái hay của của hai câu thơ đó.

**Câu 7.** Chỉ ra và phân tích những câu thơ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ.

**Câu 8.** Em hiểu như thế nào về nội dung hai dòng thơ cuối của bài thơ: “*Không một lời đáp/ Mây bay về xa*”

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần tìm** | **Trả lời** |
| 1 | Thể thơ, vần, nhịp | …. |
| 2 | Chủ đề | …. |
| 3 | Hình ảnh đối sánh với mẹ | .... |
| Phương diện đối sánh và từ ngữ hình ảnh thể hiện | .... |
| Lí do tác giả lựa chọn: | .... |
| 4 | Đặc sắc nghệ thuật | .... |
| Tác dụng |  |
| 5 | Cảm xúc, suy nghĩ về hai câu "*Cau gần với giời/Mẹ thì gần đất*" | …. |
| 6 | Câu thơ thể hiện nét tương đồng duy nhất giữa mẹ và cau. | …. |
| 7 | Chỉ ra và phân tích những câu thơ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ. | …. |
| 8 | Nội dung hai dòng thơ cuối của bài thơ: “*Không một lời đáp/ Mây bay về xa*” | …. |

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 1**

**Câu 1.**

**\*Thể thơ**: Bốn chữ.

**\*Vần**: Cuối câu, liên tiếp và xen kẽ theo cặp, hoán đổi.

**\*Nhịp điệu:** Chủ yếu ngắtnhịp 2/2 có câu ngắt nhịp 1/3 và 3/1.

**Câu 2.**

**\*Chủ đề:** Bài thơ là cảm xúc chân thành với yêu thương, lo lắng, xót xa của con khi đối diện với tuổi già của mẹ, trách hận thời gian.

**Câu 3.**

**- Hình ảnh mẹ:** Người mẹ được đối sánh với cau về hình dáng, màu sắc, chiều cao:

+ Hình dáng: *Cau thẳng - lưng mẹ còng; Cau khô - mẹ gầy.*

+ Màu sắc: *Cau ngọn xanh rờn - mẹ đầu bạc trắng.*

+ Chiều cao: *Cau cao - mẹ thấp; Cau gần giời - mẹ gần đất.*

**- Lí do tác giả đối sánh *mẹ* với *cau*:**  
+ Cau là loài cây gần gũi trong đời sống ở làng quê, gắn với mẹ trong thói quen hàng ngày - tục ăn trầu...

+ Cau và mẹ luôn song hành trên hành trình sống, nhà thơ nhận thấy nhiều điểm tương đồng khác biệt giữa mẹ và cau.

**Câu 4.**

**- Đặc sắc nghệ thuật:**

+ Biện pháp so sánh;

+ Sử dụng các tính từ, danh từ chỉ sự vật;

+ Nghệ thuật đối lập.

- **Tác dụng**:

+ Làm tăng giá trị miêu tả, biểu cảm cho lời thơ;

+ Gợi niềm xót xa trước hình ảnh mẹ mỗi ngày một già thêm;

+ Biểu đạt niềm thương cảm của con với mẹ;

+ Gợi trong lòng người đọc những cảm xúc, nghĩ suy.

**Câu 5.** Cảm xúc, suy nghĩ về hai câu "*Cau gần với giời/Mẹ thì gần đất*"

+ Hai câu thơ "*Cau gần với giời/Mẹ thì gần đất*" gợi nghĩ đến sự đối lập giữa *mẹ* và *cau*;

+ Cau theo thời gian ngày càng lớn thêm, vươn cao lên bầu trời, còn mẹ thì già đi, đến gần hơn với sự chia lìa cuộc sống.

+ "*Gần với đất*" là ẩn dụ chỉ sự ra đi mãi mãi của một kiếp người. Gợi liên tưởng đến thành ngữ "*Gần đất xa trời*".

**Câu 6.** Trong 14 câu thơ đầu, nét tương đồng duy nhất giữa *mẹ* và *cau* thể hiện qua câu thơ: "*Một miếng cau khô/Khô gầy như mẹ*"

+ Nghệ thuật so sánh ví *mẹ* như *miếng cau khô gầy* cho thấy thời gian đã bào mòn tất cả, khiến lưng mẹ còng, tóc mẹ bạc, sức sống cũng héo hắt, vơi vợi dần đi.

+ Đằng sau đó là nỗi niềm rưng rưng đau xót của người con.

**Câu 7.** Chỉ ra và phân tích những câu thơ thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ:

- Tình cảm của người con dành cho mẹ trước hết được thể hiện ở cảm nhận đầy xót xa :

    “*Một miếng cau khô*

*Khô gầy như mẹ*

*Con nâng trên tay*

*Không cầm được lệ*”.

+ Hai chữ “nâng” và “cầm” đều chỉ động thái của tình cảm. Nếu như hành động “nâng” thể hiện sự nâng niu kính trọng với mẹ thì “cầm” là hành động dồn nén cảm xúc xót xa, cay đắng của người con.

**-** Tình cảm của con dành cho mẹ thể hiện trong cả bài thơ nhưng đọng lại nghẹn ngào trong những câu thơ cuối bài:

“*Ngẩng hỏi giời vậy*

*- Sao mẹ ta già?*

*Không một lời đáp*

*Mây bay về xa*.”

+ Con nhận ra quỹ thời gian của mẹ không còn nhiều;

+ Con hiểu quy luật “sinh, lão, bệnh, tử” của đời người không ai tránh được và ngày con xa mẹ đang đến gần.

+ Đau đớn xót xa trước quy luật nghiệt ngã ấy, người con tự vấn trời xanh “*Sao mẹ ta già?”* Một câu hỏi tu từ chất chứa bao cảm xúc vang lên không lời đáp, câu hỏi ấy cho thấy trong lòng người con chất chứa bao nỗi niềm nhức nhối...

**Câu 8.** Nội dung hai dòng thơ cuối bài: “*Không một lời đáp/ Mây bay về xa*”

- Câu thơ như lời kể chuyện, giãi bày muốn nhấn mạnh thêm quy luật nghiệt ngã, sự vô tình của thời gian.

- Hình ảnh “*Mây bay về xa*” giữa bầu trời cao rộng là hình ảnh của thiên nhiên bất diệt, vĩnh hằng. Sự vĩnh hằng của thiên nhiên được đặt trong sự hữu hạn của đời người càng làm tăng nỗi ám ảnh không nguôi trong lòng người con về tuổi già và sự ra đi của mẹ.

**ĐỀ SỐ 2**

**Câu 1**. Vì sao tác giả lấy hình ảnh cau để đối sánh với mẹ?

**Câu 2**. Trong số những hình ảnh được tác giả dùng để khắc họa hình tượng người mẹ, em thích nhất hình ảnh nào? Tại sao?

**Câu 3.** Nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ dưới đây:

“*Một miếng cau khô*

*Khô gầy như mẹ*

*Con nâng trên tay*

*Không cầm được lệ”*

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 2:**

**Câu 1.** Hình ảnh người mẹ được đối chiếu với hình ảnh cây cau bởi:

+ Cây cau là hình ảnh quen thuộc xuất hiện trong nhiều câu chuyện dân gian, tượng trưng cho tình nghĩa thủy chung của con người Việt Nam.

+ Nó còn gắn với liền với làng quê, với hình ảnh người phụ nữ Việt Nam, các bà các mẹ thường nhai trầu cau. Hình ảnh mẹ được đặt bên cạnh một hình ảnh quen thuộc trong văn hóa Việt Nam.

+ Theo thời gian, cây cau ngày càng phát triển, cao lớn, xanh tốt. Nhưng thời gian cũng rất khắc nghiệt, nó làm mẹ ngày càng già đi.

+ Hình ảnh mẹ và cau được đặt cạnh nhau cho thấy sự đối lập tương phản và nỗi xót xa của người con khi mẹ ngày càng già yếu.

**Câu 2.** HS nêu được hình ảnh yêu thích**.** Nêu lí do mình yêu thích:

+ Đặc sắc nghệ thuật

+ Đặc sắc nội dung

**Câu 3.** Hình ảnh mẹ không được miêu tả trực tiếp theo cách: "*Mẹ khô gầy*", mà là miêu tả gián tiếp bằng cách so sánh “*Một miếng cau khô/Khô gầy như mẹ*”

- So sánh cau với hình ảnh của mẹ như vậy mẹ đã trở thành thước đo của sự "khô gầy" cùng với tính từ "khô gầy" làm lời thơ giàu sức khơi gợi:

- Dáng vẻ già nua, thiếu sức sống của mẹ.

- Niềm xúc động bùi ngùi, xúc động của con trước hình ảnh người mẹ già có dáng vẻ "khô gầy", dáng vẻ đã già đi nhiều rồi

- Lời thơ gợi nhiều ý tứ và xúc động nơi trái tim bạn đọc khi nghĩ về mẹ.

**ĐỀ SỐ 3**

**Câu 1.** Nêu cảm nghĩ của cá nhân em khi nghĩ về mẹ. Chia sẻ những câu thơ, câu hát hay về mẹ.

**Câu 2.**Quan sát người thân trong gia đình của mình qua năm tháng, em thấy họ có những thay đổi như thế nào? Em có cảm xúc gì khi nhận ra những thay đổi ấy?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 3:**

**Câu 1.**

**\*Cảm nghĩ:**

- Mẹ là người giàu tình thương;

- Mẹ tảo tần sớm khuya chăm lo cho con;

- Luôn dành cho con những gì đẹp nhất;

- Hi sinh tất cả vì con.

**\*Một số câu thơ, câu hát hay về mẹ**:

*"Mẹ ta không có yếm đào*

*Nón mê thay nón quai thao đội đầu*

*Rối ren tay bí, tay bầu*

*Váy nhuộm bùn, áo nhuộm nâu bốn mùa"*

(Nguyễn Duy, *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*)

*“Những mùa quả mẹ tôi hái được*

*Mẹ vẫn trông vào tay mẹ vun trồng*

*Những mùa quả lặn rồi lại mọc*

*Như mặt trời, khi như mặt trăng*

*Lũ chúng tôi tử tay mẹ lớn lên*

*Còn những bí và bầu thì lớn xuống*

*Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn*

*Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi*

*Và chúng tôi, một thứ quả trên đời*

*Bảy mươi tuổi mẹ đợi chờ được hái*

*Tôi hoảng sợ ngày bàn tay mẹ mỏi*

*Mình vẫn còn một thứ quả non xanh!”*

(Nguyễn Khoa Điềm, *Mẹ và quả*)

“*Mẹ tôi vai tóc bạc phơ*

*Lưng còng như thể bản đồ Việt Nam*

*Bước đi từ ải Nam Quan*

*Vượt đường vào đốt rừng tràm Cà Mau*

*Chiến tranh bốn cuộc nát nhàu*

*Vai mẹ gánh cả cho đau tuổi đời*”.

(Lý Đồng, *Mẹ*)

**Câu 2.**

- HS nêu được những quan sát cá nhân về người thân.

- Nêu được cảm xúc, từ đó thấy được trách nhiệm của bản thân.

**CON CHIM CHIỀN CHIỆN**

**HUY CẬN**

|  |  |
| --- | --- |
| **CON CHIM CHIỀN CHIỆN(\*)**  *Con chim chiền chiện Bay vút, vút cao Lòng đầy yêu mến Khúc hát ngọt ngào.  Cánh đập trời xanh Cao hoài, cao vợi Tiếng hót long lanh Như cành sương chói  Chim ơi, chim nói Chuyện chi, chuyện chi? Lòng vui bối rối Đời lên đến thì...  Tiếng ngọc trong veo Chim gieo từng chuỗi Lòng chim vui nhiều Hát không biết mỏi.* | *Chim bay, chim sà Lúa tròn bụng sữa Đồng quê chan chứa Những lời chim ca.  Bay cao, cao vút Chim biến mất rồi Chỉ còn tiếng hót Làm xanh da trời...  Con chim chiền chiện Hồn xanh quê nhà Sáng nay lại hót Tưng bừng lòng ta.*  1964  (Huy Cận, *Hai bàn tay em*, NXB Kim Đồng, 1969)  **(\*)**Chiền chiện là một loài chim nhỏ thuộc bộ sẻ, thường có lông màu nâu xám hoặc xám, được tìm thấy tại các khu vực đồng quê như các đồng cỏ hay bụi cây rậm. Nhìn bên ngoài rất khó phân biệt với một số loại chim khác do nhiều loài có bề ngoài khá giống nhau nên tiếng hót của chúng có lẽ là chỉ dẫn nhận dạng tốt nhất. |

**ĐỀ SỐ 4**

**Đọc bài thơ *Con chim chiền chiện* và trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Bài thơ *Con chim chiền chiện* được viết theo thể thơ nào? Dựa vào đâu mà em nhận biết được?

**Câu 2.** Nhà thơ đã sử dụng những biện pháp tu từ nào để miêu tả con chim chiền chiện? Dựa vào những từ ngữ, hình ảnh nào để em xác định những biện pháp tu từ này?

**Câu 3.** Chủ đề của bài thơ là gì?

**Câu 4.** Em hãy nhận xét về vẻ đẹp của hình ảnh “con chim chiền chiện” trong bài thơ.

**Câu 5.** Tìm đọc bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải), so sánh với bài thơ này để thấy nét tương đồng về hình ảnh “con chim chiền chiện”.

**Câu 6.** Trong bài thơ, “con chim chiền chiện” không chỉ báo hiệu niềm vui mà còn góp phần bé nhỏ của mình làm gì để cuộc đời mình trở nên có ý nghĩa?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 4:**

**Câu 1.** Bài thơ *Con chim chiền chiện* được viết theo thể thơ bốn chữ. Dựa vào số chữ của mỗi dòng thơ để nhận biết được điều này.

**Câu 2.** Nhà thơ đã sử dụng những biện pháp tu từ:

- Nhân hoá: Khúc hát “*Khúc hát ngọt ngào*”, tiếng hát “*Tiếng hát long lanh*”, nói “*Chim ơi, chim nói*”, gieo “*Chim gieo từng chuỗi*” , lời – ca “*Những lời chim ca*”, vui, bối rối “*Lòng vui bối rối; Lòng chim vui nhiều*”.

**Câu 3.** Chủ đề của bài thơ: Bài thơ thể hiện niềm vui hân hoan của con người trước cảnh vật tười đẹp thanh bình, tràn đầy sức sống của tự nhiên, tạo vật. Thiên nhiên, tạo vật với cảm xúc “yêu mến”, “bối rối”, “chan chứa” như mời gọi con người cùng vui chung: “Tưng bừng lòng ta…”

**Câu 4.** Nhận xét về vẻ đẹp của hình ảnh “*con chim chiền chiện*” trong bài thơ: Con chim “chiền chiện” với “tiếng hót” là hình ảnh trung tâm của bài thơ, vừa gần gũi, quen thuộc vừa là biểu tượng cho bầu trười tự do “*Cánh đập trời xanh/ Cao hoài, cao vợi*”. Tiếng hót của nó cất lên trong trẻo, long lanh như tiếng ngọc lan toả không trung, báo hiệu một màu xuân tươi sáng, thanh bình, ấm no và hạnh phúc.

**Câu 5.** So sánh bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải) với bài thơ này để thấy nét tương đồng về hình ảnh “con chim chiền chiện”:

- Con chim chiền chiện báo hiệu mùa xuân tràn đầy sức sống, trong sáng, tươi mới.

- “Tiếng hót” của chim chiền chiện – âm thanh biểu tượng cho cuộc sống tươi đẹp đương trỗi dậy, lan toả trong không gian, đánh thức vạn vật, khơi nguồn sự sống.

**Câu 6.** HS trình bày về ước mơ về các phương diện:

*- Về cuộc sống:…..*

*- Về công việc…….-> có ý nghĩa….trong tương lai.*

**THẢ DIỀU**

**Trần Đăng Khoa**

|  |  |
| --- | --- |
| *Cánh diều no gió Sáo nó thổi vang Sao trời trôi qua Diều thành trăng vàng  Cánh diều no gió Tiếng nó trong ngần Diều hay chiếc thuyền Trôi trên sông Ngân  Cánh diều no gió Tiếng nó chơi vơi Diều là hạt cau Phơi trên nong trời* | *Trời như cánh đồng Xong mùa gặt hái Diều em - lưỡi liềm Ai quên bỏ lại*  *[…]*  *Tiếng diều vàng nắng Trời xanh cao hơn Dây diều em cắm Bên bờ hố bom...*  1968 (Trần Đăng Khoa, *Góc sân và khoảng trời*, NXB Văn hóa dân tộc, 1999) |

**ĐỀ SỐ 5**

**Đọc bài thơ *Thả diều* của Trần Đăng Khoa và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.** Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào để miêu tả *cánh diều*? Hãy tìm những hình ảnh biểu hiện sự liên tưởng độc đáo của tác giả về *cánh diều*.

**Câu 3.** Bức tranh thiên nhiên nông thôn trong bài thơ hiện lên như thế nào?

**Câu 4.** Khi viết : “*Dây diều em cắm/Bên bờ hố bom….”,* nhà thơ muốn nói tới điều gì?

**Câu 5.** Nông thôn Việt Nam là chủ đề nổi bật trong sáng tác của Trần Đăng Khoa khi ở lứa tuổi học trò. Em hãy chọn, giới thiệu với thầy/cô và các bạn một đoạn hoặc một bài thơ viết về nông thôn của Trần Đăng Khoa mà em yêu thích.

**Câu 6.** Thả diều là một trò chơi dân gian. Ngoài thả diều, em còn biết đến trò chơi dân gian nào khác? Hãy giới thiệu ngắn gọn về trò chơi đó.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 5:**

**Câu 1.** Bài thơ được viết theo thể thơ bốn chữ.

**Câu 2.** Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật và những hình ảnh liên tưởng độc đáo:

* Những biện pháp miêu tả *cánh diều* trong bài thơ:

+ Lặp câu: “*cánh diều no gió*”; lặp cú pháp: “*sao nó…,tiếng nó*….,”;

+ So sánh: “*diều-trăng vàng”; “diều-chiếc thuyền”; “diều-hạt cau”; “diều-lưỡi liềm”; “trời như cánh đồng”.*

+ Nhân hoá: “*Sáo nó-thổi vang; tiếng nó-trong ngần; tiếng nó-chơi vơi*”;

+ Ẩn dụ: “*Dây diều em cắm/Bên bờ hố bom…”;*

* Những hình ảnh biểu hiện sự liên tưởng độc đáo của tác giả:

*+ Diều-trăng vàng; diều-chiếc thuyền; diều-hạt cau; diều-lưỡi liềm.*

**Câu 3.** Bức tranh thiên nhiên nông thôn trong bài thơ:

- Với những hình ảnh quen thuộc: cánh diều, bầu trời, những vì sao, trăng vàng, cánh đồng,…

- Bức tranh thiên nhiên rộng lớn, trải dài qua các mùa, các thời điểm, gắn với cuộc sống sinh hoạt thôn quê của người nông dân Việt Nam. Xuyên suốt bài thơ là hình ảnh cánh diều với âm thanh lan toả trong gió, gợi cảm giác khoáng đạt, tự do và quen thuộc, bình dị. Cùng với đó là các hình ảnh lấp lánh, lung linh nhiều sắc màu của trăng sao làm nên nét tươi mới của thiên nhiên qua sự liên tưởng độc đáo của “chú bé” Trần Đăng Khoa.

**Câu 4.** Khi viết : “*Dây diều em cắm/Bên bờ hố bom….”,* nhà thơ muốn khẳng định sức sống bất diệt của con người Việt Nam trước sự tàn khốc của chiến tranh.

**Câu 5.** HS có thể chọn bài thơ viết về nông thôn của Trần Đăng Khoa như: *Ò…ó…o; Mưa; Hạt gạo làng ta.*

**Câu 6.** HS có thể kể một số trò chơi dân gian như: chơi chuyền, chơi ô ăn quan, nhảy lò cò,…Sau đó giới thiệu ngắn gọn về trò chơi đó.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Tìm đọc thêm một bài thơ bốn chữ và điền thông tin vào PHIẾU HỌC TẬP sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên tác phẩm: .......** | |
| **Câu hỏi tìm ý** | **Trả lời** |
| Nêu cách đọc bài thơ và ấn tượng chung của em khi đọc? | .... |
| Giới thiệu xuất xứ của bài thơ? | .... |
| Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra đặc điểm vần, nhịp của bài thơ. | .... |
| Bài thơ viết về ai và về điều gì? | .... |
| Ai là người bày tỏ cảm xúc, tình cảm suy nghĩ trong bài thơ? | .... |
| Bài thơ có thể chia làm mấy phần ? Nêu nội dung từng phẩn. | .... |

- Đọc lại VB *Gặp lá cơm nếp* của Thanh Thảo.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN TẬP**

**VĂN BẢN *GẶP LÁ CƠM NẾP***

**Thanh Thảo**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| \*GV cho HS nhắc lại những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm. | **I. Kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm**  **1. Giới thiệu tác giả Thanh Thảo:**  - Thanh Thảo sinh năm 1946, quê ở Quảng Ngãi.  - Ông là nhà thơ, nhà báo, được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và các vấn đề của cuộc sống thời hậu chiến.  - Tác phẩm tiêu biểu: *Những người đi tới biển* (1981); *Khối vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988)…  **2. Giới thiệu tác phẩm *Gặp lá cơm nếp*:**  **\*Nhân vật trữ tình và đối tượng cảm xúc:**  *- Người bày tỏ cảm xúc là một người con, cũng là một anh bộ đội.*  *- Đối tượng để anh thể hiện cảm xúc là người mẹ nơi quê nhà.*  **\*Thể loại:** Thơ năm chữ  **\*Giọng điệu:** tâmtình, trong trẻo, tha thiết.  **\*Bố cục:** - Khổ 1: Hoàn cảnh xa nhà khơi nguồn cảm xúc;  - Khổ 2: Hình ảnh mẹ trong kí ức của con;  - Khổ 3,4: Tình cảm, cảm xúc người con khi gặp lá cơm nếp.  **\*Đề tài:** Người lính và quê hương.  **1. Đặc điểm về cách gieo vần, ngắt nhịp, khổ, thể thơ**   |  |  | | --- | --- | | *Đặc điểm hình thức* | *Gặp lá cơm nếp* | | **Số tiếng trong mỗi dòng thơ** | *5 tiếng/dòng* | | **Cách gieo vần** | *chân* | | **Ngắt nhịp** | *linh hoạt, biến tấu trên nền nhịp 2/2* | | **Chia khổ** | *4 khổ, trong đó có 1 khổ đặc biệt* |   **2. Hình ảnh mẹ trong kí ức của người lính**  **a. Hoàn cảnh gợi nhắc người lính nhớ về mẹ**  - Trên đường hành quân ra mặt trận, anh gặp lá cơm nếp. Chính hương vị của lá cơm nếp đã gợi cho anh nhớ đến hình ảnh thân thương của người mẹ bên bếp lửa đang nấu xôi.  **b. Hình ảnh mẹ trong kí ức của người lính**  - Mẹ tần tảo, chăm lo cuộc sống gia đình.  - Mẹ yêu thương các con.  - Mẹ giản dị, mộc mạc, chất phác.  **3. Hình ảnh người lính: Yêu gia đình, yêu quê hương, đất nước, có tâm hồn nhạy cảm.**  - Khổ ba: Tình yêu thương gia đình hoà với tình yêu quê hương, đất nước trào dâng trong lòng người lính vì anh đang trên đường hành quân, xa quê hương, gia đình, hương vị lá cơm nếp khiến người con nhớ đến món cơm nếp mà người mẹ đã nấu. Hương vị của món ăn dân dã, bình dị đó được anh xem như là biểu tượng của quê hương - *mùi vị quê hương..*  **4. Khái quát**  **a. Nghệ thuật**  - Sử dụng thể thơ năm chữ, gần gũi với đồng dao;  - Cách ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt;  - Giọng điệu tâm tình, trong trẻo, tha thiết;  - Hình ảnh thơ chân thực, gợi cảm, mang nhiều ý nghĩa.  **b. Nội dung - Ý nghĩa**  - Bài thơ thể hiện tình cảm nhớ thương mẹ da diết và tình yêu quê hương đất nước của người lính xa nhà đi chiến đấu.  - Những hình ảnh thân thiết, gắn bó của quê hương là nguồn sức mạnh nâng bước người lính trên đường đi chiến đấu. |
| \*GV cho HS thực hành luyện tập đọc hiểu VB. | **II. Luyện tập** |

**LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU NGỮ LIỆU TRONG SGK**

**ĐỀ BÀI**

**Đọc kĩ lại bài thơ *Gặp lá cơm nếp* và trả lời các câu hỏi:  
Câu 1.** Những dấu hiệu nào cho em biết bài thơ *Gặp lá cơm nếp* thuộc thể thơ năm chữ?

**Câu 2.** Tình cảm của người con dành cho mẹ và quê hương, đất nước được thể hiện như thế nào?

**Câu 3.** Em ấn tượng nhất với hình ảnh nào trong bài thơ? Tại sao?

**Câu 4.** Em có cảm nhận gì về tình cảm của tác giả được thể hiện trong bài thơ?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN:**

**Câu 1.** Những dấu hiệu cho biết bài thơ *Gặp lá cơm nếp* thuộc thể thơ năm chữ: Số tiếng năm tiếng; cách ngắt nhịp, gieo vần, số khổ thơ, hình ảnh…

**Câu 2.** Tình cảm của người con dành cho mẹ và quê hương, đất nước:

- Nỗi nhớ mẹ trong hoàn cảnh đặc biệt – trên đường hành quân, khi gặp lá cây cơm nếp;

- Mùi hương của lá cơm nếp nhắc anh nhớ tới hương vị thân quen của quê hương với bát xôi mùa gặt;

- Nỗi nhớ thương đong đầy, được chia đều cho mẹ và đất nước;

- Tình yêu mẹ, yêu gia đình, quê hương, đất nước đã hoà vào làm một;

-> Qua đó, thể hiện tâm hồn tinh tế của người lính trước thiên nhiên và tình cảm sâu nặng của anh dành cho quê hương và Tổ quốc.

**Câu 3.** HS tự chọn hình ảnh ấn tượng nhất trong bài thơ và lí giải như:

**- Hình ảnh người mẹ:** (khổ 2) Mẹ hiện lên giản dị, lam lũ, chất phác, tần tảo chăm lo cho cuộc sống gia đình và yêu thương các con. Nhớ đến mẹ là nhớ đến hương vị của quê nhà.

**- Hình ảnh anh bộ đội:** (khổ 3) Luôn nhớ về quê hương, nơi có người mẹ mà anh yêu thương. Ngay cả trên đường hành quân, chỉ mùi hương của lá cơm nếp cũng đã gợi nhắc anh nhớ đến quê hương, nhớ đến mẹ. Anh thấu hiểu được nỗi vất vả của mẹ và cảm nhận được tình yêu thương mẹ dành cho mình. Hình ảnh mẹ già luôn trong tâm trí anh. Anh nhớ mẹ và càng yêu đất nước hơn. Trong tâm hồn người lính, hình ảnh quê hương hiện lên qua sự tảo tần của mẹ, yêu mẹ chính là yêu quê hương và đất nước mình.

**Câu 4.** Tình cảm của tác giả được thể hiện trong bài thơ:

- Tác giả đã thủ thỉ kể về tình cảm của một người con dành cho mẹ;

- Thi sĩ không miêu tả chi tiết mà chỉ gợi ra những hình ảnh khái quát để thể hiện tâm tình của người lính dành cho mẹ và quê hương. Tình yêu đó được thể hiện qua hành động chắc tay súng bảo vệ quê hương, cũng là bảo vệ sự bình yên cho mẹ và gia đình.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các nội dung của buổi học;

- Tìm đọc bài thơ năm chữ: *Ông đồ* của Vũ Đình Liên; *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh; *Đưa con đi học* của Tế Hanh..

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN LUYỆN ĐỌC HIỂU THƠ NĂM CHỮ**

**NGỮ LIỆU NGOÀI SGK**

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**ÔNG ĐỒ**

**VŨ ĐÌNH LIÊN**



|  |  |
| --- | --- |
| *Mỗi năm hoa đào nở Lại thấy ông đồ già Bày mực Tàu, giấy đỏ Bên phố đông người qua  Bao nhiêu người thuê viết Tấm tắc ngợi khen tài: “Hoa tay thảo những nét Như phượng múa, rồng bay”  Nhưng mỗi năm mỗi vắng Người thuê viết nay đâu? Giấy đỏ buồn không thắm Mực đọng trong nghiên sầu...  Ông đồ vẫn ngồi đấy Qua đường không ai hay Lá vàng rơi trên giấy Ngoài trời mưa bụi bay* | *Năm nay đào lại nở Không thấy ông đồ xưa Những người muôn năm cũ Hồn ở đâu bây giờ?*  1936   (Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, 2007)  (\*)Ông đồ là người dạy học chữ nho xưa. Nhà nho xưa nếu không đỗ đạt làm quan thì thường làm nghề dạy học, gọi là ông đồ, thầy đồ. Mỗi dịp Tết đến, ông đồ thường được nhiều người thuê viết chữ, câu đối để trang trí trong nhà. Nhưng từ khi chế độ thi cử phong kiến bị bãi bỏ, chữ nho không còn được trọng, ngày Tết không mấy ai sắm câu đối hoặc chơi chữ, ông đồ trở nên thất thế và bị gạt ra lề cuộc đời. Từ đó, hình ảnh ông đồ chỉ còn là “cái di tích tiều tuỵ đáng thương của một thời tàn” (lời Vũ Đình Liên). |

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc bài thơ *Ông đồ* (Vũ Đình Liên) và trả lời câu hỏi**

**Câu 1.** Xác định thể thơ (chỉ ra các dấu hiệu nhận biết thể thơ), đề tài và chủ đề của bài thơ.

**Câu 2.** Điền các thông tin vào ***Phiếu học tập*** sau để tìm hiểu hình ảnh ông đồ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu những từ ngữ, chi tiết miêu tả:** | **Khổ 1,2** | **Khổ 3,4** |
| *1. Khung cảnh, thời gian:* | ...... | ...... |
| *2. Hình ảnh ông đồ* |  |  |
| *3. Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để miêu tả ông đồ:* | ...... | ...... |
| *4. Thái độ, tình cảm của mọi người dành cho ông đồ.* | ...... | ...... |
| *5. Tâm trạng của ông đồ trước thái độ tình cảm của mọi người* | ...... | ...... |
| *6. Tình cảm của tác giả dành cho ông đồ* | ...... | ...... |
| *7. Nhận xét tình cảm của tác giả với ông đồ ở khổ cuối.* | ...... | ...... |

**Câu 3.** Bài thơ gợi trong em tình cảm, cảm xúc gì?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 1:**

**Câu 1.**

- **Thể thơ:** năm chữ. Dấu hiệu nhận biết: Có 5 chữ mỗi dòng, gồm 5 khổ, mỗi khổ 4 câu. Vần chân (gieo ở tiếng cuối câu, vần cách, vần liền, bằng trắc xen kẽ hoặc nối tiếp). Ngắt nhịp: 2/3 hoặc 3/2.

**- Đề tài:** Viết về ông đồ.

- **Chủ đề:** Thể hiện niềm thương cảm của nhà thơ với ông đồ và lớp người như ông, niềm nhớ tiếc quá khứ với những phong tục văn hóa đẹp đẽ.

**Câu 2.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tìm hiểu những từ ngữ, chi tiết miêu tả:** | **Khổ 1,2** | **Khổ 3,4** |
| **1. Khung cảnh, thời gian:** | + Thời gian: “Mỗi năm”, thời điểm “hoa đào nở”;  + Không gian: “phố đông người ”;  + Công việc: “Bày mực tàu giấy đỏ”;  + Hình ảnh “hoa đào”- loài hoa mang tín hiệu của mùa xuân gợi ta nhớ đến không khí ngày Tết cổ truyền của dân tộc. | + Thời gian: “Mỗi năm mỗi vắng”;  + Không gian: “người thuê viết này đâu? không ai hay”; “giấy đỏ buồn, mực đọng, lá vàng rơi, mưa bụi bay…”  + Công việc: “ngồi đấy” |
| **2. Hình ảnh ông đồ:** | + Cùng mực tàu, giấy đỏ góp phần vào sự đông vui náo nhiệt của phố phường.  + Ông trở thành trung tâm của bức tranh xuân, là đối tượng để mọi người ngưỡng mộ, ngợi ca.  + Trong niềm vui đông khách, ông như người nghệ sĩ được trổ tài trước công chúng - đưa tay viết những nét chữ thanh cao, bay bổng, phóng khoáng: “*Hoa tay thảo những nét/Như phượng múa rồng bay*” | + Ông đồ trở thành người nghệ sĩ mất công chúng, niềm vui viết chữ giúp ích cho mọi người không còn nên ngồi buồn trong nỗi sầu tủi.  + Nỗi buồn sầu của ông như thấm sâu vào cảnh vật phản chiếu lên giấy, nghiên mực: “*Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu*”  + Dù mọi người không còn mến mộ đến tìm mua chữ “*ông đồ vẫn ngồi đấy*”- bên hè phố đông người, vẫn bám trụ cuộc sống, vẫn muốn góp phần vào sự đông vui của phố phường, vẫn muốn giúp ích cho mọi người thế nhưng người đời quên hẳn ông, không ai chú ý đến sự có mặt của ông trên hè phố: “*Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài giời mưa bụi bay*” |
| **3. Các biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng để miêu tả ông đồ:** | - Phụ từ *lại* cụm từ *mỗi năm* gợi sự lặp lại thời gian, lặp lại hình ảnh ông đồ xuất hiện bên phố vào mỗi dịp Tết đến, xuân về.  - Biện pháp nghệ thuật so sánh đã gợi tài năng viết chữ, niềm vui đông khách của ông đồ khi được giúp ích cho mọi người, cho cuộc đời. | + Từ ngữ: “nhưng” gợi sự ngạc nhiên bất thường đổi khác trong thái độ của mọi người với ông đồ, “mỗi năm” gợi sự lặp lại của thời gian.  + Câu hỏi tu từ “*Người thuê viết nay đâu?****”***thể hiện thái độ ngạc nhiên, ngậm ngùi chua xót về sự thay đổi thái độ của người đời với ông đồ.  + Nghệ thuật đối lập: Thể hiện sự cô đơn, lạc lõng của ông đồ, gợi niềm xót xa cho ông đồ lớp trí thức lỗi thời, niềm xót xa khi nét đẹp văn hóa cổ truyền, nét đẹp tâm hồn không còn nữa.  + Nhân hóa: “*Giấy đỏ buồn, nghiên sầu“* -> giúp lời thơ giàu sức gợi, gợi nỗi buồn sầu trĩu nặng trong lòng ông đồ thấm sâu, lan tỏa vào cảnh vật.  - Tả cảnh ngụ tình: gợi hình ảnh lá vàng rơi rụng, cùng mưa bụi đang phủ lên vai ông đồ, rơi trên giấy đỏ…  -> Gợi hình ảnh đáng thương của ông đồ đang chìm vào quên lãng, chìm vào không gian đầy mưa gió. |
| **4. Thái độ, tình cảm của mọi người dành cho ông đồ.** | + Nô nức tìm đến ông đồ để mua chữ;  + Tấm tắc, ngợi ca tài viết chữ đẹp của ông.  -> Thể hiên thái độ mến mộ, quý trọng ông đồ - yêu mến chữ nho, mến mộ chữ nho- nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. | + Theo thời gian mọi người tìm đến ông đồ mua chữ ít dần, “*Mỗi năm, mỗi vắng*”, rồi vắng bóng “*Người thuê viết nay đâu?*”  + Không ai chú ý đến sự có mặt của ông đồ “*Qua đường không ai hay*”  -> Sự thay đổi thái độ của mọi người với ông đồ là biểu hiện của nền văn hóa bị lụi tàn, bị đổi thay giá trị, nét đẹp văn hóa một thời nay không còn nữa. |
| **5. Tâm trạng của ông đồ trước thái độ tình cảm của mọi người** | Vui, phấn khởi, đắc ý,... | Buồn, cô lẻ, bơ vơ,… |
| **6. Tình cảm của tác giả dành cho ông đồ:** | Yêu mến, kính trọng ông đồ - tấm lòng mến mộ nhà nho, chữ Nho nét đẹp văn hóa cổ truyền đáng trân trọng. | + Buồn, xót thương cho ông đồ, cho một nét đẹp văn hóa lụi tàn.  + Buồn thương cho ông đồ và lớp người như ông đã bị người đời lãng quên. |
| **7. Niềm hoài cổ của tác giả với ông đồ ở khổ cuối** | - Hình ảnh: “Hoa đào”, “ông đồ” được lặp lại tạo nên kết cấu đầu - cuối tương ứng, tương phản “*Cảnh cũ người đâu?*”  + Hoa đào nở, cái đẹp bất biến >< Người biến mất, vắng bóng.  - Tác giả gọi “ông đồ xưa” thể hiện một cách tinh tế ông đồ không còn nữa “Đã chết theo một thời tàn”. Qua đó bộc lộ tâm trạng hẫng hụt, nuối tiếc của tác giả.  - Khi không thấy ông đồ tác giả thảng thốt: “*Những người muôn năm cũ/Hồn ở đâu bây giờ?*”  + “*Người muôn năm cũ*”: những người có tâm hồn cao đẹp. Đó là những nhà nho *vang bóng một thời*, là những người từng yêu mến nhà nho, chữ nho. Đó là cách gọi tôn vinh thể hiện tấm lòng quý trọng của tác giả.  + Lời thơ như tiếng gọi hồn, thể hiện niềm hoài cổ, nhớ tiếc của tác giả với ông đồ, với lớp trí thức lỗi thời, với những gì từng là giá trị nay rơi vào quên lãng. | |

**Câu 3.** Bài thơ gợi trong em tình cảm, cảm xúc:

- Yêu mến, ngưỡng mộ, ngợi ca ông đồ;

- Ngậm ngùi, thương cảm khi ông đồ phải ra lề phố bán chữ.

**LÀM VĂN**

**(Viết kết nối đọc)**

**Đề bài**. Viết đoạn văn cảm nhận cái hay của hai câu thơ:

a.

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu*

b.

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay*

**Đoạn văn tham khảo**

**a. Cảm nhận cái hay của hai câu thơ**

*Giấy đỏ buồn không thắm*

*Mực đọng trong nghiên sầu*

Hai câu thơ với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc đã nói lên nỗi buồn sầu tủi của ông đồ khi vắng bóng những người thuê viết. Trong hoàn cảnh Tết đến xuân về khi hoa đào rực nở, ông đồ vẫn xuất hiện bên phố mong giúp ích cho đời với niềm vui thảo chữ đầu năm, nhưng người đời đã thay đổi thái độ với ông. Phố vẫn đông nhưng khách đến mua chữ vắng dần, mỗi năm mỗi vắng. Bên phố đông người, ông ngồi buồn nhìn dòng đời qua lại như có ý đợi chờ khách tìm đến. Nhưng phố vẫn đông mà chẳng ai chú ý đến ông đến sự có mặt của ông bên lề phố để nỗi buồn của ông như thấm vào cánh vật “*Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu*”. Với nghệ thuật nhân hóa đặc sắc (các từ *buồn*, *sầu* vốn chỉ tâm trạng của con người được sử dụng trong lời thơ năm chữ Vũ Đình Liên đã tạo nên lời thơ tả cảnh ngụ tình tuyệt bút, khiến cho các sự vật vô tri như giấy và nghiên mực như có linh hồn, cũng cảm thấy như con người bơ vơ lạc lõng. Hình ảnh thơ gợi cho ta thấy từng tờ giấy đỏ cứ phơi ra mà chẳng được bút lông chạm đến trở nên bẽ bàng, màu đỏ của nó cũng không thắm lên được, không thể tươi màu son đỏ. Nghiên mực không được bút lông chấm vào nên không còn sóng sánh đen đặc mà như đọng nỗi sầu buồn tủi. Hình ảnh thơ phản chiếu tâm hồn ông đồ - một nỗi buồn u ám, trĩu nặng lên nghiên mực. Nỗi sầu tủi kết đọng hòa cùng mực, màu nước mắt, tạo thành nỗi sầu tủi của giấy mực, của nghiên, của chính ông đồ. Từ “đọng” như kéo nỗi buồn trĩu xuống, sầu kéo dài nỗi buồn thêm cùng đó. Dấu ba chấm lan tỏa trong không gian làm người đọc thêm nặng trĩu thương ông đồ và lớp người như ông. Và càng buồn hơn trước sự vô tình của người đời, khi nét đẹp văn hóa một thời không còn nữa.

**b. Cảm nhận cái hay của hai câu thơ:**

*Lá vàng rơi trên giấy*

*Ngoài trời mưa bụi bay*

Hai câu thơ với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc đã nói lên nỗi buồn trĩu nặng của ông đồ trước sự thờ ơ vô tình của người đời. Mỗi năm mỗi vắng, Tết đến xuân về, khi hoa đào rực nở, ông đồ vẫn xuất hiện bên phố vẫn mong được góp ích cho cuộc đời nhưng người đời đã quên hẳn ông, thờ ơ đến vô tình. Ông ngồi bên phố đông người với ánh mắt buồn nhìn dòng đời qua lại. Và nỗi buồn sầu của ông như thấm vào cảnh vật “Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài trời mưa bụi bay”. “Lá vàng” là lá cuối đông thả mình rơi trên giấy, đó là biểu hiện sự rơi rụng, tàn lụi. “Mưa bụi” là mưa nhỏ, nhè nhẹ. Hai câu thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc cho thấy trời đất cũng ảm đạm như chính lòng ông đồ. Tờ giấy đỏ lúc trước không thắm lên được, giờ lại được phủ lá vàng: gió mưa lá rụng phủ lên mặt giấy, lên vai ông đồ, mưa trên phố nhè nhẹ mà thấm đẫm nỗi buồn. Hình ảnh ông đồ như chìm dần, nhòe dần vào không gian đầy mưa gió. Mưa trên phố chính là mưa trong lòng người, để rồi từ đó vĩnh viễn không còn nhìn thấy ông đồ. Hình ảnh “lá vàng”, “mưa bụi” đã dệt nên tấm khăn liệm đưa ông đồ về cõi vĩnh hằng. Hai câu thơ gợi trong lòng ta niềm xót thương cho ông đồ, cho lớp người trở thành lỗi thời - thương cho những gì từng là giá trị, nay trở thành tàn tạ, rơi vào quên lãng.

**TIẾNG GÀ TRƯA**

**XUÂN QUỲNH**

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

****

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾNG GÀ TRƯA**  *Trên đường hành quân xa Dừng chân bên xóm nhỏ Tiếng gà ai nhảy ổ: “Cục... cục tác cục ta” Nghe xao động nắng trưa Nghe bàn chân đỡ mỏi Nghe gọi về tuổi thơ  Tiếng gà trưa Ổ rơm hồng những trứng Này con gà mái mơ Khắp mình hoa đốm trắng Này con gà mái vàng Lông óng như màu nắng  Tiếng gà trưa Có tiếng bà vẫn mắng: - Gà đẻ mà mày nhìn Rồi sau này lang mặt! Cháu về lấy gương soi Lòng dại thơ lo lắng*  *Tiếng gà trưa Tay bà khum soi trứng Dành từng quả chắt chiu Cho con gà mái ấp* | *Cứ hàng năm hàng năm Khi gió mùa đông tới Bà lo đàn gà toi Mong trời đừng sương muối Để cuối năm bán gà Cháu được quần áo mới Ôi cái quần chéo go Ống rộng dài quét đất Cái áo cánh chúc bâu Đi qua nghe sột soạt  Tiếng gà trưa Mang bao nhiêu hạnh phúc Đêm cháu về nằm mơ Giấc ngủ hồng sắc trứng  Cháu chiến đấu hôm nay Vì lòng yêu Tổ quốc Vì xóm làng thân thuộc Bà ơi, cũng vì bà Vì tiếng gà cục tác Ổ trứng hồng tuổi thơ*  2-7-1965  Bài thơ này được Xuân Quỳnh viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ, in lần đầu trong tập thơ *Hoa dọc chiến hào*. |

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc khổ 1 bài thơ *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh và trả lời câu hỏi:**

*Trên đường hành quân xa*

*Dừng chân bên xóm nhỏ*

*Tiếng gà ai nhảy ổ:*

*“Cục... cục tác cục ta”*

*Nghe xao động nắng trưa*

*Nghe bàn chân đỡ mỏi*

*Nghe gọi về tuổi thơ*

**Câu 1.** Tiếng gà trưa vọng vào tâm trí người chiến sĩ vào thời điểm nào?

**Câu 2.** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ và nêu tác dụng của nó.

**Câu 3.** Tại sao trong rất nhiều âm thanh, người chiến sĩ lại chỉ ám ảnh với âm thanh của tiếng gà trưa?

**Câu 4.** Tiếng gà trưa đem lại cho người chiến sĩ cảm xúc nào? Cảm nhận của em về cảm xúc gợi lên trong lòng anh chiến sĩ.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 2:**

**Câu 1.** Thời điểm cụ thể :

*+Trên đường hành quân xa*

*+ Dừng chân bên xóm nhỏ*

*+ Buổi trưa nắng*

**Câu 2.** Biện pháp nghệ thuật:

+ Hình ảnh ngôn ngữ chân thực, giản dị;

+ Điệp từ “nghe”, điệp cấu trúc câu “nghe…”, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: “Tiếng gà trưa” được cảm nhận bằng thính giác qua điệp từ “nghe” cùng tâm tưởng, hồi ức, cảm xúc của tâm hồn.

+ Tác dụng: Tạo giọng điệu nhịp nhàng cho câu thơ, tạo sự liên kết chặt chẽ; nhấn mạnh sự tác động mạnh của tiếng gà trưa đến tình cảm cảm xúc của người chiến sĩ.

**Câu 3.** **Âm thanh:**

*Tiếng gà ai nhảy ổ:  
 Cục... cục tác cục ta*

+ Âm thanh của làng quê bình dị, thân thuộc

+ Phá tan cái tĩnh lặng buổi trưa của làng quê

+ Mang lại niềm vui cho con người chốn thôn quê

+ Gợi kỉ niệm ấu thơ.

**Câu 4.**

- Âm thanh bình dị, gần gũi của quê hương, biểu hiện những giây phút bình yên của cuộc chiến;

- Làm cho cho cái nắng hè trở nên xao động, bàn chân không thấy mỏi sau cuộc hành trình chiến đấu;

- Khơi dậy kí ức tuổi thơ trong lòng người chiến sĩ; đem lại những cảm giác vừa bồi hồi, xúc động, vừa hạnh phúc.

-> Đó chính là tình làng quê thắm thiết, sâu nặng.

**ĐỀ SỐ 3**

**Đọc các khổ thơ 2,3,4 và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại mấy lần trong bài thơ? Điều đó có tác dụng gì?

**Câu 2.** Tiếng gà trưa đã khơi gợi ở người cháu hình ảnh và kỉ niệm nào của tuổi thơ?

**Câu 3.** Em ấn tượng với hình ảnh, kỉ niệm nào nhất? Vì sao?

**Câu 4.** Hình ảnh người bà hiện lên qua những chi tiết, hình ảnh nào? Qua đó em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của bà và tình cảm của người cháu đối với bà?

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 3:**

**Câu 1.** Tiếng gà trưa lặp lại ba lần trong bài thơ. Điều đó có tác dụng: Kết nối các đoạn thơ; điểm nhịp cho từng cảm xúc; nhấn mạnh ấn tượng, tình cảm của người cháu với âm thanh thân thuộc….

**Câu 2.** Mỗi lần “*Tiếng gà trưa*” vang lên là một kỉ niệm được gợi về:

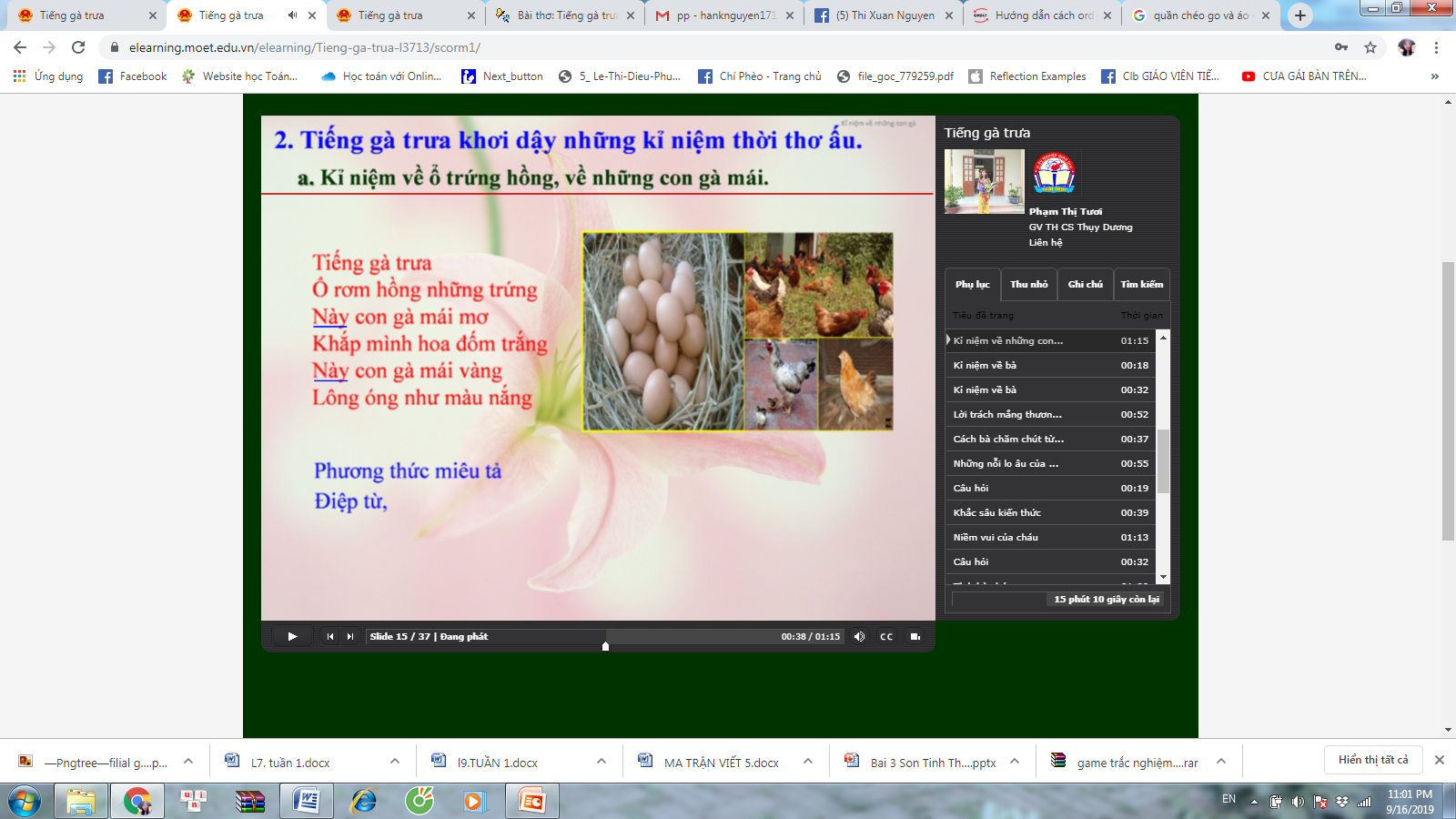
*+* Kỉ niệm về ổ trứng và đàn gà;

+ Kỉ niệm về nỗi lo lắng của bà, niềm hạnh phúc tuổi thơ của cháu;

+ Kỉ niệm giấc mơ hạnh phúc tuổi thơ.

**Câu 3.** Hình ảnh ấn tượng:

**- Kỉ niệm ổ trứng và đàn gà:**

****

*Ổ rơm hồng những trứng*

*Này con gà mái mơ*

*Khắp mình hoa đốm trắng*

*Này con gà mái vàng*

*Lông óng như màu nắng…*

- Nghệ thuật kể, tả, điệp từ “này”, đảo ngữ“Khắp mình hoa đốm trắng”;

- Tính từ chỉ màu sắc: “hồng, đốm trắng, vàng óng”.

*-> Tạo bức tranh kí ức nhiều màu sắc hài hòa, tươi sáng, bình dị của làng quê;*

*-> Gợi tả màu sắc tươi sáng, hình ảnh đẹp, bình dị, thân thuộc.*

**- Hình ảnh bà chăm chút từng quả trứng:**

****

*Tiếng gà trưa*

*Tay bà khum soi trứng*

*Dành từng quả chắt chiu*

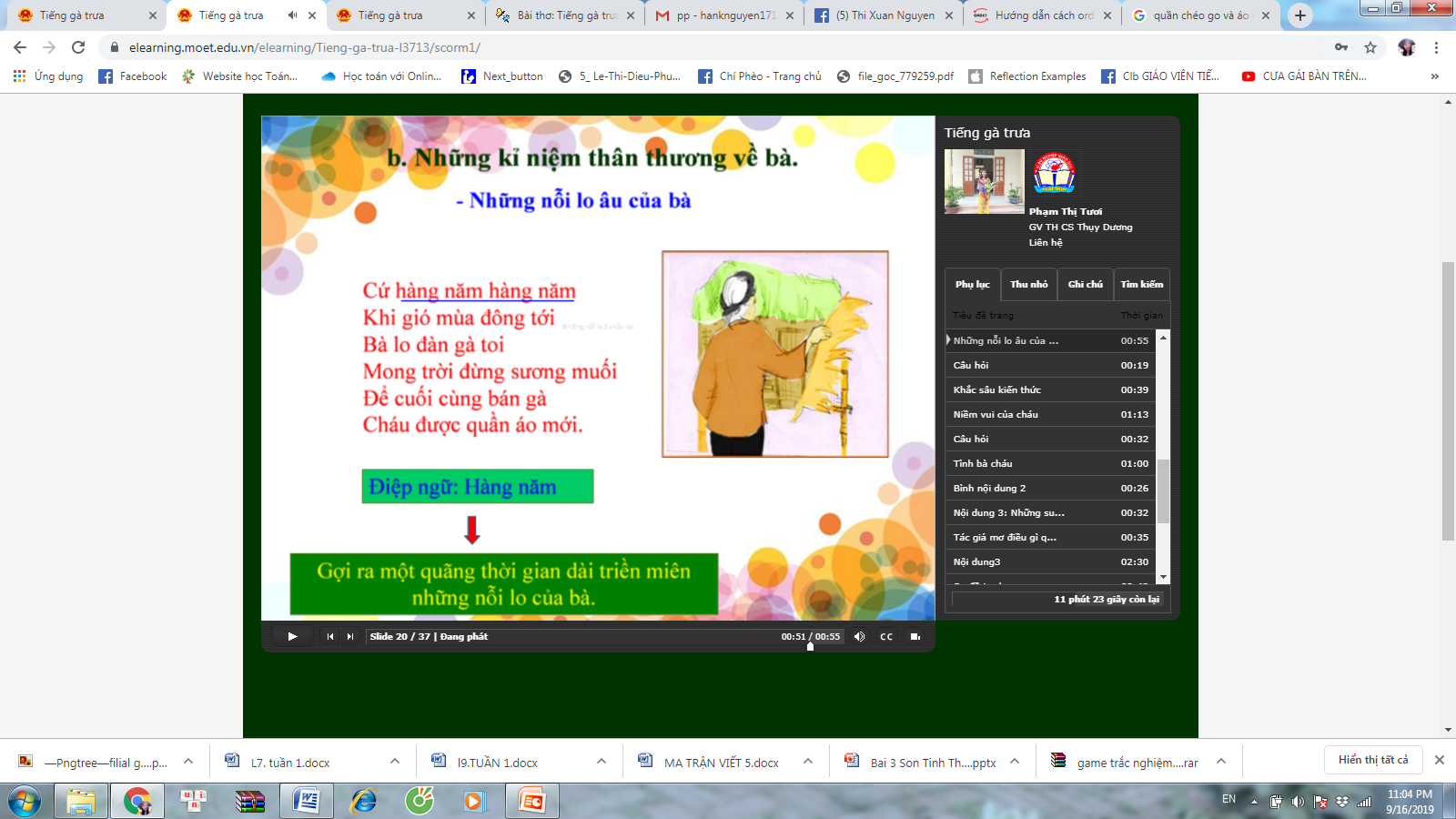
*Cho con gà mái ấp*

+ Động từ: “khum”, “soi”

+ Từ láy “chắt chiu”

*->Người bà thôn quê tần tảo, chịu thương chịu khó, chắt chiu từng niềm vui nhỏ trong cuộc sống đầy lo toan, vất vả.*

**- Hình ảnh nỗi lo lắng của bà và niềm vui tuổi thơ của cháu:**

****

*Cứ hàng năm hàng năm*

*Khi gió mùa đông tới*

*Bà lo đàn gà toi*

*Mong trời đừng sương muối*

*Để cuối năm bán gà*

*Cháu được quần áo mới*

+ Điệp ngữ: “hằng năm”: *Gợi ra một quãng thời gian dài, triền miên những nỗi lo âu của bà*. Cho thấy tuổi thơ của người chiến sĩ gắn liền với niềm vui, trong trẻo, đầy tình yêu thương của gia đình, làng quê.

**- Hạnh phúc tuổi thơ của cháu:**

*Ôi cái quần chéo go*

*Ống rộng dài quét đất*

*Cái áo cánh trúc bâu*

*Đi qua nghe sột soạt.*

- Những ước mơ nhỏ bé, đơn sơ, giản dị đó được gợi ra hình ảnh người bà chắt chiu từng quả trứng, nâng niu từng sự sống để cuối năm có tiền mua quần áo mới cho cháu.

*=> Bà đã thực hiện ước mơ tuổi thơ của cháu.*

**Câu 4.**

*- Hình ảnh bà hiện lên:*

+ Cách bà chăm chút từng quả trứng;

+ Những lỗi lo âu của bà.

*- Thể hiện tình cảm của bà:*

+ Yêu thương, quan tâm tha thiết - một tình thương bao la, to lớn, cho đi mà không cần nhận lại điều gì.

+ Bà chăm lo cho đàn gà, nâng niu những quả trứng với niềm ao ước, mong muốn một điều ước nhỏ nhoi để cuối năm bán gà mua cho cháu quần áo mới.

- *Tình cảm của người cháu:*

+ Cháu luôn nhớ và biết ơn bà về những lo to toan quan tâm.

**ĐỀ SỐ 4**

**Đọc hai khổ thơ cuối và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Những suy tư của người chiến sĩ được gợi ra qua những hình ảnh nào? Từ đó em có cảm nhận gì về những suy tư đó?

**Câu 2.** Vì sao tác giả lại khẳng định:

*“Tiếng gà trưa*

*Mang bao nhiêu hạnh phúc*”?

**Câu 3.** Nêu cách hiểu của em về hai câu thơ sau:

“*Đêm cháu về nằm mơ*

*Giấc ngủ hồng sắc trứng”*

**Câu 4.** Tiếng gà quê hương giúp người lính nhận ra mục đích cao đẹp nào của cuộc chiến đấu mà mình đang dấn bước? Chỉ ra các từ ngữ và biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để thể hiện?

**Câu 5.** Em hãy chỉ ra nét đẹp trong tâm hồn người lính.

**Câu 6.** Khái quát đặc sắc nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 4:**

**Câu 1.** **Tiếng gà trưa gợi những suy tư về hạnh phúc:**

*Tiếng gà trưa*

*Mang bao nhiêu hạnh phúc*

*Đêm cháu về nằm mơ*

*Giấc ngủ hồng sắc trứng*

+ Tiếng gà trưa bình dị của quê hương gợi hình ảnh cuộc sống ấm no, bình yên. Nó đánh thức tình cảm bà cháu, tình cảm gia đình quê hương. Âm thanh bình dị ấy đã nâng bước hành quân nên “*mang bao nhiêu hạnh phúc*”. “*Giấc ngủ hồng sắc trứng*” là giấc mơ đẹp đầy tin yêu, hi vọng. Giờ đây khi đã trở thành người lính giấc mơ tuổi thơ ấy lại trở về trong tâm trí cháu.

**\*Cảm nhận:** Tiếng gà trưa gợi ra nhữngsuy tư về hạnh phúc**;** về cuộc chiến đấu…

**Câu 2.** *“Tiếng gà trưa. Mang bao nhiêu hạnh phúc*” vì tiếng gà trưa gợi lại những năm tháng tuổi thơ sống bên bà, giúp cháu cảm nhận được tình yêu thương, sự chăm sóc, sự hi sinh bà dành cho; là nguồn động lực mạnh mẽ thôi thúc cháu trên đường hành quân.

**Câu 3.** Cách hiểu về câu:

“*Đêm cháu về nằm mơ*

*Giấc ngủ hồng sắc trứng”*

*- Giấc ngủ hồng sắc trứng* là một hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho những điều tốt đẹp, niềm hạnh phúc dâng tràn trong lòng cháu.

**Câu 4.**

- Tiếng gà cho người lính nhận ra mục đích cao đẹp của cuộc chiến đấu:

*+ Vì lòng yêu tổ quốc”, Vì xóm làng”, “vì bà”, “Vì tiếng gà”- “ổ trứng hồng”*

*-* Các từ ngữ thể hiện và biện pháp tu từ được tác giả sử dụng*:* Điệp từ “vì” lặp lại

+ Nhấn mạnh, khẳng định niềm tin vào chân lí của cuộc chiến đấu. Chiến đấu để bảo vệ những gì chân thật, quý giá, thân thương;

+ Làm lời thơ thêm tha thiết, mãnh liệt;

+ Khẳng định tình yêu quê hương tha thiết trong lòng cháu.

**Câu 5.** Em hãy chỉ ra nét đẹp trong tâm hồn người lính:

* Có tình yêu gia đình quê hương thắm thiết;
* Luôn nâng niu trân trọng những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ;
* Có tình yêu Tổ quốc, sẵn sàng chiến đấu hi sinh cho đất nước,…

**Câu 6.** Khái quát đặc sắc nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

**1. Nghệ thuật:**

- Thể thơ 5 tiếng;

- Biểu cảm qua tự sự, miêu tả;

- Điệp ngữ, đảo ngữ, so sánh tính từ, động từ...

**2. Nội dung - Ý nghĩa:**

- Tiếng gà trưa đã gọi về những kỉ niệm đẹp đẽ của tuổi thơ và tình bà cháu. Tình cảm gia đình đã làm sâu sắc thêm tình yêu quê hương đất nước.

- Tình cảm yêu thương, thiêng liêng, quý giá, kính trọng và biết ơn về những hi sinh to lớn của người bà kính yêu.

- Tình yêu quê hương, đất nước rộng lớn, sâu sắc, cao cả.

**ĐƯA CON ĐI HỌC**

**Tế Hanh**

*Sáng nay mùa thu sang  
Cha đưa con đi học  
Sương đọng cỏ bên đường  
Nắng lên ngời hạt ngọc  
  
Lúa đang thì ngậm sữa  
Xanh mướt cao ngập đầu  
Con nhìn quanh bỡ ngỡ  
Sao chẳng thấy trường đâu?  
  
Hương lúa toả bao la  
Như hương thơm đất nước  
Con ơi đi với cha  
Trường của con phía trước*  
Thu 1964  
(Tế Hanh, *Khúc ca mới*, NXB Văn học, 1966)

**\*Cách thức chung:**

- GV chiếu bài thơ trên màn hình, hướng dẫn và cho HS đọc kĩ bài thơ, xác định từng yêu cầu trong các câu hỏi đọc hiểu và hỗ trợ HS thực hiện từng yêu cầu;

- HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

- GV hoàn thiện, tuyên dương, rút kinh nghiệm.

**ĐỀ SỐ 5**

**Đọc bài thơ *Đưa con đi học* của Tế Hanh và trả lời câu hỏi:**

**Câu 1.** Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?

**Câu 2.** Những hình ảnh nào đặc biệt gây ấn tượng với em? Từ những hình ảnh đó, hãy mô tả không gian nghệ thuật trong bài thơ?

**Câu 3.** Trong câu thơ “*Lúa đang thì ngậm sữa*” sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Chỉ ra tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.

**Câu 4.** Em hiểu như thế nào về những câu thơ cuối của bài thơ:

*Hương lúa toả bao la  
Như hương thơm đất nước  
Con ơi đi với cha  
Trường của con phía trước*

**Câu 5.** Bài thơ thể hiện tình cảm của người cha dành cho con như thế nào?

**Câu 6.** Kể tên một số tác phẩm văn học cũng viết về tình cảm cha con và cảm xúc trong ngày đầu đến trường.

**Câu 7.** Trong ngày đầu đến trường, em có cảm xúc như thế nào? Hãy chia sẻ với các bạn cảm xúc của mình trong ngày đặc biệt đó.

**\*GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ 5:**

**Câu 1.** Bài thơ được sáng tác theo thể thơ: năm chữ.

**Câu 2.** Những hình ảnh đặc biệt gây ấn tượng với em có thể là:

*“Sương đọng cỏ bên đường/Nắng lên ngời hạt ngọc”; “Lúa đang thì ngậm sữa/Xanh mướt cao ngập đầu”,…*Đó làkhông gian: trong trẻo thanh bình, yên ả trong một buổi sáng mùa thu ở mọt miền quê.

**Câu 3.** Trong câu thơ “*Lúa đang thì ngậm sữa*” đã sử dụng biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, nhân hoá. Tác dụng: Làm cho câu thơ trở nên gợi hình, gợi cảm, sinh động, gần gũi, thân thiết, gắn bó.

**Câu 4.** Về những câu thơ cuối của bài thơ:

*Hương lúa toả bao la  
Như hương thơm đất nước  
Con ơi đi với cha  
Trường của con phía trước*

*“Trường”* có thể là trường học cụ thể trước mắt, có thể hiểu là trường đời. Vậy những câu thơ trên có thể hiểu là khi con bước tới cổng trường học hay bước những bước đi đầu tiên trên đường đời, đã có cha và quê hương, đất nước nâng bước chân con.

**Câu 5.** Bài thơ thể hiện tình cảm yêu thương, thấu hiểu của người cha trước đứa con bé bỏng của mình.

**Câu 6.** Kể tên một số tác phẩm văn học cũng viết về tình cảm cha con và cảm xúc trong ngày đầu đến trường:

- Tác phẩm viết về tình cha con: *Những cánh buồm* (Hoàng Trung Thông); *Lão Hạc* (Nam Cao); *Chén đắng* (Mai Văn Phấn)….

- Tác phẩm viết về ngày đầu tiên đến trường: *Tôi đi học* (Thanh Tịnh); *Cây phong non trùm khăn đỏ* (C. Aimatov)….

**Câu 7.** HS tự chia sẻ những trải nghiệm, cảm xúc của bản thân trong ngày đầu đến trường.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học.

- GV giao đề bài sau, giúp HS vận dụng kĩ năng đọc hiểu thể loại thơ bốn chữ và năm chữ: Tìm đọc từ 1 văn bản thuộc thể loại thơ bốn chữ và 1 văn bản thuộc thể thơ năm chữ. Ghi lại việc đọc hiểu của mình vào phiếu học tập sau.

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN VĂN BẢN:..................................... TÁC GIẢ........................................** | |
| **Nội dung đọc hiểu** | **Trả lời** |
| 1. Xuất xứ | ..... |
| 2. Ấn tượng chung về văn bản | ..... |
| 3. Chủ đề. | ..... |
| 4. Thể thơ | ..... |
| 5. Đặc sắc nghệ thuật | ..... |
| 6. Nội dung, ý nghĩa | ..... |

- Ôn lại kiến thức về phép tu từ: *Nói giảm nói tránh*.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**BIỆN PHÁP TU TỪ: NÓI GIẢM NÓI TRÁNH**

**I. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố kiến thức:

- Nhận biết phép tu từ nói giảm nói tránh và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.

**-** Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị :** Máy vi tính, máy chiếu (hoặc tivi) kết nối mạng.

**2. Học liệu:** Ngữ liệu tác phẩm, phiếu học tập, hệ thống các bài tập.

**C. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Ôn tập lí thuyết** | |
| **\*Cách thức:** GV cho HS trả lời các ví dụ để từ đó nhớ lại khái niệm và tác dụng của phép nói giảm nói tránh; mở rộng thêm cách nói giảm nói tránh.  **Ví dụ 1:** Những từ ngữ in đậm trong các đoạn trích sau đây có nghĩa là gì? Tại sao người viết, người nói lại dùng cách diễn đạt đó?  - *Vì vậy, tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ* ***đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác,*** *thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột.* (Hồ Chí Minh, *Di chúc*)  - *Bác đã* ***đi*** *rồi sao, Bác ơi!*  *Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời.* (Tố Hữu, *Bác ơi!)*  - *Lượng con ông Độ đây mà….Rõ tội nghiệp, về đến nhà thì bố mẹ* ***chẳng còn****.* (Hồ Phương, *Thư nhà*)  \*GỢI Ý:  + "***đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê- nin và các vị cách mạng đàn anh khác***", "***đi***", "***chẳng còn***" : đều mang ý nghĩa chỉ cái chết, mất.  + Người viết, người nói muốn giảm nhẹ mức độ đau thương, nặng nề, ghê sợ của cái chết, sự mất mát.  **Ví dụ 2:** Vì sao trong câu văn sau đây, tác giả dùng từ ngữ ***bầu sữa*** mà không dùng một từ ngữ khác cùng nghĩa?  *Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào* ***bầu sữa*** *nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng*. (Nguyên Hồng, *Những ngày thơ ấu*)  \*GỢI Ý:  Tác giả trong đoạn văn sử dụng từ " bầu sữa" mà không dùng từ khác bởi từ bầu sữa là cách nói tế nhị, tránh thô tục mà vẫn gợi được sự ấm áp, thân thương của tình mẫu tử.  **Ví dụ 3:** So sánh hai cách nói sau đây, cho biết cách nói nào nhẹ nhàng, tế nhị hơn đối với người nghe.  *- Con dạo này* ***lười lắm****.*  *- Con dạo này* ***không được chăm chỉ lắm.***  **\*GỢI Ý:**  Trong hai cách nói thì câu "*Con dạo này không được chăm chỉ lắm*" là cách nói nhẹ nhàng, tế nhị đối với người nghe. | **a. Khái niệm:**  - Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển trong giao tiếp.  **- Ví dụ:** Chúng ta thường dùng từ tử thi thay cho từ xác chết hoặc muốn nói lịch sự chúng ta không dùng từ già mà dùng từ có tuổi,…  **b. Tác dụng:**  - Tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề;  - Tránh thô tục, thiếu lịch sự.  - Tôn trọng người đối thoại với mình.  - Giúp người nghe dễ tiếp thu ý kiến, góp ý.  **c. Những cách nói giảm nói tránh:**  – Có 4 cách mà chúng ta có thể áp dụng biện pháp tu từ này khi làm văn gồm:  + Dùng các từ đồng nghĩa đặc biệt là từ Hán – Việt: **Ví dụ:** *Bà cụ đã chết rồi => Bà cụ đã quy tiên rồi.*  + Dùng cách nói vòng: **Ví dụ:** *Anh còn kém lắm => Anh cần phải cố gắng hơn nữa.*  + Dùng cách nói phủ định bằng từ trái nghĩa: **Ví dụ:** *Bức tranh này anh vẽ xấu lắm => Bức tranh này anh vẽ chưa được đẹp lắm.*  + Dùng cách nói trống (tỉnh lược): **Ví dụ:** *Anh ấy bị thương nặng thế thì không còn sống được lâu nữa đâu chị à => Anh ấy (…) thế thì không ( …) được lâu nữa đâu chị à.* |
| **2. Thực hành bài tập** | |
| **\*Cách thức chung:**  - GV cho HS làm việc cá nhân hoặc cặp đôi theo bàn, đọc và xác định các yêu cầu của đề, sau đó lần lượt thực hiện từng yêu cầu của bài tập.  - HS tiếp nhận và thực hiện yêu cầu, suy nghĩ, viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi, trình bày kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương, rút kinh nghiệm. | |
| **Bài tập 1:** Điền các từ ngữ nói giảm nói tránh sau đây vào chỗ trống /…/ : *đi nghỉ, khiếm thị, chia tay nhau, có tuổi, đi bước nữa.*  *a) Khuya rồi, mời bà /…/*  *b) Cha mẹ em /…/ từ ngày em còn rất bé, em về ở với bà ngoại.*  *c) Đây là lớp học cho trẻ em /…/*  *d) Mẹ đã /…/ rồi, nên chú ý giữ gìn sức khoẻ.*  *e) Cha nó mất, mẹ nó /…./, nên chú nó rất thương nó.* | **Bài tập 1:**  *a) Khuya rồi, mời bà* ***đi nghỉ****.*  *b) Cha mẹ em* ***chia tay nhau*** *từ ngày em còn rất bé, em về ở với bà ngoại.*  *c) Đây là lớp học cho trẻ em* ***khiếm thị****.*  *d) Mẹ đã* ***có tuổi*** *rồi, nên chú ý giữ gìn sức khoẻ.*  *e) Cha nó mất, mẹ nó* ***đi bước nữa****, nên chú nó rất thương nó.* |
| **Bài tập 2:** Trong mỗi cặp câu dưới đây, câu nào có sử dụng cách nói giảm nói tránh?  *a1) Anh phải hoà nhã với bạn bè!*  *a2) Anh nên hoà nhã với bạn bè!*  *b1) Anh ra khỏi phòng tôi ngay!*  *b2) Anh không nên ở đây nữa!*  *c1) Xin đừng hút thuốc trong phòng!*  *c2) Cấm hút thuốc trong phòng!*  *d1) Nó nói như thế là thiếu thiện chí.*  *d2) Nó nói như thế là ác ý.*  *e1) Hôm qua em hỗn với anh, em xin anh thứ lỗi.*  *e2) Hôm qua em có lỗi với anh, em xin anh thứ lỗi.* | **Bài tập 2: Câu có sử dụng nói giảm nói tránh**  *a2) Anh* ***nên*** *hoà nhã với bạn bè!*  *b2) Anh* ***không nên*** *ở đây nữa!*  *c1)* ***Xin đừng*** *hút thuốc trong phòng!*  *d1) Nó nói như thế là* ***thiếu thiện chí.***  *e2) Hôm qua em* ***có lỗi*** *với anh, em xin anh thứ lỗi.* |
| **Bài tập 3:**  Khi chê trách một điều gì, để người nghe dễ tiếp nhận, người ta thường nói giảm nói tránh bằng cách phủ định điều ngược lại với nội dung đánh giá. Chẳng hạn, đáng lẽ nói “*Bài thơ của anh* ***dở*** *lắm*” thì lại bảo “*Bài thơ của anh* ***chưa được hay lắm***”. Hãy vận dụng cách nói giảm nói tránh như thế để đặt năm câu đánh giá trong những trường hợp khác nhau. | **Bài tập 3:**  Đặt năm câu đánh giá có sử dụng nói giảm nói tránh trong những trường hợp khác nhau:  *- Nó học chưa được tốt lắm.*  *- Con dạo này chưa được ngoan lắm.*  *- Anh nói chưa đúng lắm.*  *- Sức khỏe của nó không được tốt lắm.*  *- Bạn ấy chưa được nhanh lắm.* |
| **Bài tập 4:**  Việc sử dụng cách nói giảm nói tránh là tuỳ thuộc vào tình huống giao tiếp. Trong trường hợp nào thì không nên dùng cách nói giảm nói tránh. | **Bài tập 4:**  Những tình huống cần nói thẳng thắn, nói đúng bản chất vấn đề thì không được nói giảm nói tránh. |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Hoàn thiện các bài tập của buổi học. Tìm thêm những câu thơ có sử dụng cách nói giảm nói tránh.

- Chuẩn bị cho buổi học sau:

1) Ôn tập thể thơ bốn chữ và năm chữ, báo cáo sản phẩm thơ bốn hoặc năm chữ; gợi ý phân công nhóm:

+ Thơ bốn chữ về người thân trong gia đình.

+ Thơ bốn chữ về kỉ niệm với người thân, bạn bè.

+ Thơ năm chữ về một loài cây.

+ Thơ năm chữ về một loài vật.

2) Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ em yêu thích:

- “*Mẹ*” (Đỗ Trung Lai)

- “*Tiếng gà trưa*” (Xuân Quỳnh)

- “*Ông đồ*” (Vũ Đình Liên)

**Nhiệm vụ:** Định hướng chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý cho bài thơ, đoạn thơ bốn chữ, năm chữ mà mình yêu thích thoe PHIẾU HỌC TẬP sau:

Bài thơ yêu thích:................................................................................................

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các bước thực hành** | **Nhiệm vụ thực hành** | | **Trả lời** |
| **a) Chuẩn bị:** | - Những nét đặc sắc nghệ thuật: | | …. |
| - Đặc sắc nội dung: | | …. |
| **b) Tìm ý và lập dàn ý:** | Tìm ý | Câu thơ em yêu thích và cảm xúc câu thơ đem lại cho em. | …. |
| Khổ thơ yêu thích và cảm xúc khổ thơ đem lại cho em. | …. |
| Chi tiết nội dung yêu thích, lí do yêu thích. Các chi tiết đó đem lại cho em cảm xúc gì?. | …. |
| Yếu tố nghệ thuật đặc sắc mà bản thân yêu thích và những cảm xúc của em. | ….. |
| Cảm xúc chung mà em có được. | ….. |
| Lập dàn ý | Mở đoạn: | ….. |
| Thân đoạn: | …. |
| Kết đoạn: | …. |
| **c) Viết bài:** | ….. | | |
| **d) Kiểm tra và chỉnh sửa:** | …. | | |

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**TẬP LÀM THƠ BỐN CHỮ VÀ THƠ NĂM CHỮ**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**

**I. Mục tiêu:** Giúp HS củng cố:

- Cách lựa chọn đề tài; vận dụng những kiến thức về thể thơ để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- Viết được đoạn văn có cấu tạo 3 phần: Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn, số lượng câu đúng quy định để nêu được ấn tượng, cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**-** Biết trân trọng và yêu quý tiếng Việt.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**TRÒ CHƠI “HỎI XOÁY ĐÁP XOAY”**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung câu hỏi** | **Yêu cầu trả lời** |
| **Câu 1** | Mỗi bài thơ bốn chữ, năm chữ có mấy dòng? | Bài thơ bốn chữ, năm chữ có nhiều dòng |
| **Câu 2** | Mỗi bài thơ bốn chữ thường ngắt nhịp như thế nào? | Bài thơ bốn chữ ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3 |
| **Câu 3** | Có thể ngắt nhịp dòng thơ năm chữ như thế nào? | Chủ yếu nhịp 2/3 hoặc 3/2, có khi ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1. |
| **Câu 4** | Các dòng trong khổ thơ bốn chữ, năm chữ phải ngắt nhịp giống nhau. Điều đó đúng hay sai? | - Sai  - Các dòng cùng một khổ trong bài thơ không nhất thiết phải ngắt nhịp giống nhau. |
| **Câu 5** | Vần gieo trong thơ bốn chữ, năm chữ gồm những loại nào? | Gieo vần linh hoạt, đa dạng: Vần chân, vần lưng, vần liền, vần cách, vần hỗn hợp. |
| **Câu 6** | Chỉ ra điểm khác biệt của vần chân và vần lưng. | - Vần chân: vần được gieo ở cuối dòng thơ  - Vần lưng: vần gieo ở giữa dòng thơ |
| **Câu 7** | Phân biệt vần liền, vần cách, vần hỗn hợp trong thơ. | - Vần liền: vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ.  - Vần cách: không gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ.  - Vần hỗn hợp: vần được gieo không theo trật tự nào. |
| **Câu 8** | Nêu quan điểm của bạn về ý kiến “*Cùng đọc một bài thơ mọi người phải có những cảm nhận như nhau*”. | - Không đồng ý  - Cùng đọc một bài thơ nhưng mỗi người đọc có những cách hiểu và cảm nhận khác nhau. |
| **Câu 9** | Việc hiểu tác phẩm thơ phụ thuộc vào các yếu tố nào? | Việc hiểu tác phẩm phụ thuộc vào trình độ, hoàn cảnh, trải nghiệm cuộc sống. |
| **Câu 10** | Bạn hiểu thế nào là trải nghiệm cuộc sống? | Trải nghiệm là những gì mình đã trực tiếp chứng kiến, đã làm, đã trải qua. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Tập làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ** | |
| \*GV cho HS ôn tập lại các kiến thức về thơ bốn chữ và thơ năm chữ bằng cách tổ chức trò chơi **“Hỏi xoáy đáp xoay”.**  \*HS tham gia trò chơi với gói mười câu hỏi khơi gợi kiến thức ngữ văn về thơ bốn chữ, năm chữ.  \*HS suy nghĩ, lần lượt bôc thăm trả lời.  \*GV nhận xét, khích lệ, tuyên dương, chốt kiến thức. | **a. Đặc điểm thơ bốn chữ và thơ năm chữ** |
| \*GV nêu các yêu cầu cho HS thực hiện từng yêu cầu:  *1) Xác định cách gieo vần trong các khổ thơ bốn chữ và năm chữ để điền từ thích hợp vào chỗ trống.*  Bóng bàng tròn lắm  Tròn như cái nong  Em ngồi vào …..(1)  Mát ơi là mát!  *(Ngay, trong, đây)*  (Xuân Quỳnh)  Ngựa phăm phăm bốn vó  Như …(2) xuống mặt đường  Mặc sớm rừng mù ….(3)  Mặc đêm đông giá buốt  (*Băm, cày, lao) (mịt, sương, mờ)*  (Phan Thị Thanh Nhàn)  *2) Từ VD trên, hãy rút ra đặc điểm về cách ngắt nhịp, gieo vần của thơ bốn chữ, năm chữ.*  *3) Để có thể làm thơ bốn chữ, năm chữ đúng yêu cầu em cần làm gì?*  *4) Em hãy báo cáo kết quả sản phẩm thơ đã làm:*  *+ Thơ bốn chữ về người thân trong gia đình.*  *+ Thơ bốn chữ về kỉ niệm với người thân, bạn bè.*  *+ Thơ năm chữ về một loài cây.*  *+ Thơ năm chữ về một loài vật.*  - HS lắng nghe yêu cầu, tập trung thực hiện nhiệm vụ học tập.  - GV yêu cầu 2-3 HS trình bày, HS khác nghe, bày tỏ quan điểm và và bổ sung cho bạn (nếu cần).  - GV hướng dẫn HS đánh giá các bài thơ đoạn thơ hoàn chỉnh HS trình bày và kết luận.  - GV nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức cho HS tham khảo một số đoạn thơ, bài thơ. | **b. Thực hành làm thơ bốn chữ và thơ năm chữ**  GỢI Ý ĐÁP ÁN:  **- Điền từ:**  Bóng bàng tròn lắm  Tròn như cái nong  Em ngồi vào ***trong***  Mát ơi là mát!  (Xuân Quỳnh)  Ngựa phăm phăm bốn vó  Như ***băm*** xuống mặt đường  Mặc sớm rừng mù ***sương***  Mặc đêm đông giá buốt  **- Nhận xét:**  **+** Thơ bốn chữ mỗi dòng có bốn chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3.  **+** Thơ năm chữ mỗi dòng có năm chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, thậm chí ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1.  **+** Thường gieo vần lưng hoặc vần chân.  **\*Định hướng chung:**  + Đọc lại đoạn thơ bốn chữ, năm chữ  + Nắm chắc kiến thức ngữ văn về cách gieo vần trong thơ bốn chữ, năm chữ.  **\*Viết bài thơ bốn chữ, năm chữ:**  **\*Chuẩn bị:**  - Xác định đối tượng (*Về ai, kỉ niệm, loài vật, loài cây...*)  - Định hướng tình cảm, cảm xúc:  + Về người thân, bạn bè: Yêu mến, kính trọng, nhớ thương.  + Kỉ niệm: Nhớ, xúc động.  **\*Viết bài:**  - Kể hoặc miêu tả đối tượng để thể hiện tình cảm, cảm xúc dành cho đối tượng.  - Lựa chọn từ ngữ thích hợp để kể, tả đối tượng: Biện pháp tu từ so sánh, tương phản, điệp cấu trúc.  - Sắp xếp từ ngữ trong dòng, trong khổ thơ theo quy định về số tiếng, vần, nhịp của thể thơ bốn chữ, năm chữ.  **- Kiểm tra và chỉnh sửa**:  + Đọc lại bài thơ  + Kiểm tra số tiếng, vần, nhịp.  + Sự thống nhất chủ đề: Thể hiện tập trung về đối tượng và tình cảm dành cho đối tượng.  + Có cần thay thế từ ngữ để bài thơ hay hơn không.  **\*Báo cáo sản phẩm hoàn chỉnh:** |
| **THAM KHẢO BÀI THƠ BỐN CHỮ**  **LẤP LÁNH**  ***Lương Thị Hạnh***  Tỏa sáng muôn màu  Là trăng sáng tỏ  Hay khoe cái mỏ  Là chú vạc, cò.  Người thì gầy gò  Là anh châu chấu  Hay vào quán nhậu  Là lão chim sâu  Chẳng dám đi đâu  Là anh gọng vó  Nay đây mai đó  Là anh gió trời.  Ở khắp mọi nơi  Là sao lấp lánh…  Lấp lánh  Lấp lánh…  Yêu những vì sao  (Tạp chí *Văn học và tuổi trẻ,* số 417, 12/2018) | |
| **THAM KHẢO BÀI THƠ NĂM CHỮ**    **HOA MÙA HÈ**  *Lê Quang Minh*  Năm nay hè đến muộn  Chờ phượng nở bao ngày  Bất chợt, sáng hôm nay  Rợp trời màu hoa đỏ  Cánh mềm lay trong gió  Tựa cánh bướm rập rờn  Gió khẽ thổi từng cơn  Thành mưa rào ướt lá.  Cơn mưa xanh mùa hạ  Cơn mưa ướt đường đi  Cơn mưa khẽ thầm thì:  “Mùa hè về rồi đó!”  Hè về trên phố nhỏ  Ra rả tiếng ve ngân  Chờ phượng biết bao lần  Hè về, mùa kỉ niệm.  (Tạp chí *Văn học và tuổi trẻ* số 4, 2018) | |
| **2. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ** | |
| **\*Bước 1:** GV chiếu cho HS đọc lại ba bài thơ bốn chữ, năm chữ yêu thích đã được học ở buổi ôn luyện đọc hiểu:  - “Mẹ” (Đỗ Trung Lai)  - “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh)  - “Ông đồ” (Vũ Đình Liên)  **\*Bước 2:** GV cho HS chia sẻ cặp đôi  *1) Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ là gì? (đặc điểm kiểu bài)*  *2) Để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ, em cần chú ý thực hiện những gì?*  **\*Bước 3:** HS căn cứ phần định hướng SGK trả lời câu hỏi:  - Từng cặp đôi trả lời câu hỏi theo hình thức chia sẻ kết quả thảo luận của mình:  + Một học sinh hỏi.  + Một học sinh trả lời.  + Cuối cùng người hỏi cùng thống nhất với người trả lời về nội dung.  - HS dưới lớp theo dõi, nhận xét, đánh giá hoạt động của các cặp đôi.  **\*Bước 4:** GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những lưu ý. | **1. Định hướng**  **a. Yêu cầu kiểu bài:**  Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ là trả lời các câu hỏi:  *+ Bài thơ gợi cho em những tình cảm, cảm xúc gì? Vì sao?*  *+ Cảm xúc về nội dung, nghệ thuật của câu thơ (khổ thơ, đoạn thơ) mà em có ấn tượng và yêu thích.*  **b. Nhiệm vụ cần thực hiện:**  - Đọc kĩ để hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Xác định yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc gây ấn tượng và cảm xúc trong bài thơ.  - Viết đoạn văn:  + Có cảm xúc về vấn đề gì (nội dung hay hình thức nghệ thuật, một câu, khổ, đoạn hay cả bài thơ)?  + Cảm xúc như thế nào (Xúc động, vui thích, buồn, hân hoan...?  + Điều gì đã mang lại cảm xúc đó? Vì sao? |
| \*GV chiếu đề bài:  **Đề bài :** Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc một trong những bài thơ sau:  - “Mẹ” (Đỗ Trung Lai), “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh).  \*Cách thực hiện: Yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ học tập với bài “Mẹ” (Đỗ Trung Lai).  *1) Để thực hiện yêu cầu của bài tập em sẽ thực hiện những nhiệm vụ nào?*  *2) Nêu kết quả thực hiện các nhiệm vụ đó?*  **Gợi ý:**  *(1) Từ phần đọc hiểu bài thơ “Mẹ” của Đỗ Trung Lai, em hãy chỉ ra những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ?*  *(2) Em làm gì để tìm ý cho bài viết? Nêu kết quả việc tìm ý đó của em.*  *(3) Với các ý đã tìm được em sẽ lập dàn ý cho bài viết như thế nào?*  *(4) Trên cơ sở dàn ý đã lập, em sẽ viết đoạn văn như thế nào?*  *(5) Sau khi viết, em đã chỉnh sửa như thế nào?*  *\**HS đọc lại bài thơ và hoàn thiện yêu cầu các bước; sau đó báo cáo thảo luận trên cơ sở phiếu học tập đã cho ở buổi học trước và thực hiện với bài thơ “Mẹ” (Đỗ Trung Lai)  **\***GV nhận xét và kết luận về yêu cầu của kiểu bài và những việc cần thực hiện cho các khâu chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết bài và kiểm tra, chỉnh sửa.  - Cho HS đánh giá bài viết của bạn và bản thân theo tiêu chí bảng kiểm.  - HS trên cơ sở góp ý đánh giá tự kiểm tra và chỉnh sửa lại bài viết.  \*GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm buổi học. | **2. Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ**  **Đề bài :** Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc một trong những bài thơ sau: “Mẹ” (Đỗ Trung Lai), “Ông đồ” (Vũ Đình Liên), “Tiếng gà trưa” (Xuân Quỳnh).  \*Định hướng thực hành: Bài thơ“Mẹ”(Đỗ Trung Lai)  **a. Chuẩn bị**  *- Xem lại nội dung đọc hiểu;*  *- Xác định nét đặc sắc nội dung của bài thơ:*  + Bài thơ thể hiện sự vất vả của cuộc đời mẹ.  + Tình yêu thương chân thành của con dành cho mẹ.  + Tâm trạng xót xa, ngậm ngùi của người con khi đối diện với tuổi già của mẹ.  *- Xác định nét đặc sắc nghệ thuật:*  + Thể thơ bốn chữ;  + Lời thơ giản dị, tự nhiên;  + Hình ảnh gần gũi, quen thuộc;  + Sử dụng hình ảnh so sánh, đối lập hiệu quả.  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  **\*Tìm ý:**  **-** Chỉ ra các câu thơ, đoạn thơ mà mình yêu thích**;**  - Chi tiết nội dung, hay yếu tố nghệ thuật đặc sắc mình yêu thích trong bài.  - Cảm xúc mà câu thơ, khổ, đoạn thơ hoặc chi tiết nghệ thuật đó đã mang lại.  **\*Lập dàn ý:**  **- Mở đoạn:** Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ, dẫn ra yếu tố nội dung nghệ thuật đặc sắc mà mình yêu thích.  **- Thân đoạn:**  Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn.  **- Kết đoạn:** Khái quát lại suy nghĩ của bản thân về yếu tố đã mạng lại cảm xúc ấy.  **c. Viết:** Viết đoạn văn theo dàn ý đã lập. Chú ý sử dụng từ ngữ ghi lại một cách sinh động và chính xác cảm xúc của bản thân.  **d. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **-** Đọc lại bài viết  - Kiểm tra các ý đã đầy đủ và đúng trình tự được nêu ở dàn ý chưa.  - Phát hiện sửa lỗi về viết:  + Lỗi về ý: Thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu), ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết)  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu)  + Lỗi chính tả. |

**RUBRICS**

**ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TIÊU CHÍ** | **XUẤT HIỆN** | **KHÔNG XUẤT HIỆN** |
| 1 | Đoạn văn đảm bảo bố cục ba phần: mở, thân, kết. |  |  |
| 2 | Đoạn văn đã nêu được tác phẩm mà mình yêu thích và tên tác giả. |  |  |
| 3 | Nội dung đoạn văn đã bám sát dàn ý đã xây dựng. |  |  |
| 4 | Đoạn văn đã nêu được cảm nghĩ chung về bài thơ, đưa dẫn được các yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc mà bản thân yêu thích. |  |  |
| 5 | Phần thân đoạn có nêu được cụ thể cảm xúc về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở phần mở đoạn . |  |  |
| 6 | Phần kết bài đã khái quát lại được những suy nghĩ của bản thân về yếu tố đã mang lại cảm xúc. |  |  |
| 7 | Đúng hình thức đoạn văn. |  |  |
| 8 | Các câu trong đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ về nội dung và hình thức. |  |  |
| 9 | Chữ viết đúng chính tả, không sai ngữ pháp; trình bày sạch đẹp. |  |  |
| 10 | Văn viết có giọng điệu, cảm xúc chân thành, thể hiện sự sáng tạo. |  |  |

**PHIẾU KIỂM TRA, CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung lỗi cần sửa** | | **Sửa lỗi** |
| Phát hiện và sửa ý về trình tự triển khai ý: | Trình tự triển khai ý | …. |
| Các ý cần bổ sung | …. |
| Phát hiện sửa lỗi về ý: | Thiếu ý | …. |
| Sắp xếp lại ý lộn xộn | …. |
| Sửa lại các ý lạc đề | …. |
| Sửa lại các ý tản mạn | …. |
| Phát hiện sửa lỗi diễn đạt: | Lỗi dùng từ | …. |
| Lỗi viết câu | …. |
| Lỗi chính tả: | Lỗi chính tả | …. |

**ĐOẠN VĂN THAM KHẢO**

**Đoạn văn 1**

**Cảm xúc của em sau khi học xong bài thơ “Mẹ” (Đỗ Trung Lai)**

Trong văn học có biết bao bài thơ hay về mẹ, thế nhưng mỗi lần đọc bài thơ “Mẹ” của nhà thơ Đỗ Trung Lai là một lần em xúc động trước hình ảnh người mẹ và tình cảm của người con, nhân vật trữ tình trong bài thơ, dành cho mẹ. Ngay khổ đầu, tác giả đã so sánh “mẹ” với “cau”- hình ảnh của loài cây quen thuộc ở mỗi làng quê, gắn với thói quen ăn trầu của bà, của mẹ đã cho em xúc động, nghĩ suy khi “Lưng mẹ còng rồi” mà “Cau thì vẫn thẳng”. Em cũng buồn, ngậm ngùi cùng nhà thơ khi nghĩ đến cảnh “Cau- ngọn xanh rờn/ Mẹ-đầu bạc trắng”. Hai hình ảnh, màu sắc trái ngược đã cho em xúc động trước sự thảng thốt cũng như nỗi đau thầm lặng, quặn thắt trong lòng con khi nhận ra mẹ đã già, khi thời gian đã lấy đi của mẹ sức sống tuổi thanh xuân. Và cứ thế xúc động biết bao khi theo mạch cảm xúc, các khổ thơ cứ nối tiếp với nhau với hai hình ảnh song song đối ứng là hình ảnh của “cau” và “mẹ”. Để rồi cảm xúc dâng trào trong em khi nhà thơ gián tiếp miêu tả mẹ qua hình ảnh so sánh gợi cảm “Một miếng cau khô/Khô gầy như mẹ”. Ví mẹ như miếng cau khô gầy cho thấy thời gian đã bào mòn tất cả, khiến lưng mẹ còng, tóc mẹ bạc, sức sống cũng héo hắt, vợi dần, cho em xúc động trước niềm rưng rưng đau xót của người con. Em hiểu đây cũng là cách để người con, chủ thể trữ tình trong bài thơ, lảng tránh nỗi buồn của mình trước hình ảnh mẹ đã già. Đọc lời thơ của Đỗ Trung Lai em càng xúc động khi con nâng niu trên tay “Một miếng cau khô/ Khô gầy như mẹ” với tấm lòng kính trọng, sự dồn nén cảm xúc xót xa. Hình ảnh người con tự vấn trời xanh “Sao mẹ ta già?” là một câu hỏi tu từ chất chứa bao cảm xúc, vang lên, vọng vào hư không mà không nhận được lời đáp cùng hình ảnh “mây bay về xa” chỉ sự vĩnh hằng của thiên nhiên, được đặt trong sự hữu hạn của đời người, càng làm em xúc động trước những lo lắng, ám ảnh không nguôi trong lòng người con về tuổi già và sự ra đi của mẹ. Bài thơ khép lại nhưng cảm xúc mà lời thơ để lại trong em vẫn dạt dào, tuôn chảy mãi.

**Đoạn văn 2**

**Cảm xúc của em về khổ thơ yêu thích**

**sau khi đọc bài “Ông đồ” (Vũ Đình Liên)**

Bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên khép lại nhưng dư âm còn mãi. Khổ thơ bốn đã để trong em bao xúc động và thương cảm cho ảnh ông đồ thời vắng khách: “Ông đồ vẫn ngồi đấy/Qua đường không ai hay/Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài giời mưa bụi bay”. Hình ảnh thơ gợi cho em nỗi xót xa bởi sau những năm vắng khách, ông đồ vẫn bám trụ cuộc sống, vẫn muốn giúp ích cho đời, góp vào sự đông vui của phố phường nên “vẫn ngồi đấy”- ngồi bên hè phố mỗi dịp tết đến xuân về. Thế nhưng ông ngồi trong sự lạc lõng, cô đơn của người nghệ sĩ mất công chúng. Xót xa biết bao khi người đời, những người từng tìm đến hết lời ngợi ca tài viết chữ đẹp của ông, giờ đã vô tình, quên hẳn ông: “Qua đường không ai hay”. Ông ngồi đó mà lòng buồn trĩu nặng. Nỗi buồn lan tỏa thấm sâu vào cảnh vật: “Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài giời mưa bụi bay”. Lời thơ khiến em liên tưởng “lá vàng” là lá cuối đông thả mình rơi trên giấy, đó là biểu hiện của sự rơi rụng, tàn lụi. “Mưa bụi” là mưa nhỏ, nhè nhẹ. Hai câu thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc cho thấy trời đất cũng ảm đạm như chính lòng ông đồ, tờ giấy đỏ lúc trước không thắm lên được giờ lại được phủ lá vàng: gió mưa, lá rụng phủ lên mặt giấy, lên vai ông đồ, mưa trên phố nhè nhẹ mà thấm đẫm nỗi buồn gợi em nhớ tới vần cổ thi “Thanh minh lất phất mưa phùn/Khách đi đường thấm nỗi buồn xót xa”. Hình ảnh ông đồ như chìm dần, nhòe dần vào không gian đầy mưa gió. Mưa trên phố hay chính là mưa trong lòng người, để rồi từ đó vĩnh viễn không còn nhìn thấy ông đồ. Hình ảnh “lá vàng”, “mưa bụi” đã dệt nên tấm khăn đưa ông đồ về cõi vĩnh hằng. Qua lời thơ năm chữ giản dị với bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc, lời thơ gợi trong em niềm xót thương cho ông đồ, cho lớp người như ông- lớp trí thức lỗi thời trước thời cuộc, xót xa cho những gì từng là giá trị nay trở nên tàn tạ, rơi vào quên lãng. Khổ thơ nói riêng, bài thơ “Ông đồ” nói chung là cái nhìn đầy trân trọng với quá khứ và những gì sẽ trở thành quá khứ của nhà thơ Vũ Đình Liên.

**Đoạn văn 3**

**Cảm xúc sau khi đọc bài “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh**

Đọc bài “Tiếng gà trưa”của Xuân Quỳnh em cứ ấn tượng mãi về thể thơ năm chữ với giọng điệu thủ thỉ tâm tình cùng cách sử dụng câu thơ phá, cách điệp ngữ “Tiếng gà trưa” giàu ý nghĩa và sức gợi. Trong mạch cảm xúc của bài thơ, câu thơ ấy kết nối các đoạn thơ, điểm nhịp cho dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình. Mỗi lần “Tiếng gà trưa” vang lên, một kỉ niệm lại gọi về và lòng em lại trào dâng cảm xúc dạt dào khó tả. Ngay mở đầu đoạn thơ, em đã nghe “Tiếng gà trưa” vang lên giữa buổi trưa nắng lửa trên bước đường hành quân của người chiến sĩ khi anh dừng chân bên xóm nhỏ. Âm thanh quen thuộc bình dị của cuộc sống yên ả đã mang đến cho người lính những giây phút lắng lại lòng mình mà ngẫm nghĩ, suy tư. Bài thơ gợi cho em bao cảm xúc bởi mỗi khi âm thanh bình dị ấy vang lên là những kỉ niệm đẹp đẽ thân thương lại trào dâng trong lòng người lính. Đó là kỉ niệm tươi đẹp về ổ trứng và đàn gà, về những lo toan của bà, về hạnh phúc tuổi thơ của cháu cùng những suy tư hạnh phúc, suy tư về mục đích cao đẹp của cuộc chiến đấu người lính, cùng là người cháu khi đã trưởng thành. Mỗi khi “Tiếng gà trưa” vang lên, em như được cùng nhà thơ sống lại những tháng ngày tuổi thơ hạnh phúc trong tình yêu thương của bà, trong những câu chuyện kỉ niệm tuổi thơ về ổ trứng và đàn gà. Vui thích biết bao trong những buổi trưa nắng lửa, cháu cùng bà được thấy những “Ổ rơm hồng sắc trứng”, được cùng bà cho gà ăn, đưa tay đếm từng chú gà với hình hài, màu sắc tuyệt đẹp: “Này con gà mái mơ/ Khắp mình hoa đốm trắng”, “Này con gà mái vàng/ Lông óng như màu nắng”. Lời thơ cũng cho em xúc động trước hình ảnh bàn tay khum khum của bà “Tay bà khum soi trứng” với tấm lòng chắt chiu, nâng đỡ từng sự sống nhỏ nhoi trong từng quả trứng. Hình ảnh người bà còn hiện lên với nỗi lo lắng “Bà lo đàn gà toi” khi mùa đông sương muối phủ đã cho em hiểu rằng, đằng sau đó là một khoảng trời thương yêu bà dành cho cháu. Bà đã dành tất cả sức lực, tình thương cho đứa cháu nhỏ. Bà tảo tần, chắt chiu nâng niu từng quả trứng, từng chú gà con như để nâng đỡ ước mơ đơn sơ, hạnh phúc của đứa cháu nhỏ “Để cuối năm bán gà/Cháu được quần áo mới”. Hạnh phúc biết bao khi đứa cháu nhỏ trong bộ quần áo mới với cái “quần chéo go”, “cái áo cánh trúc bâu” bình dị nhưng tung tăng, hồn nhiên trong niềm vui hạnh phúc. Đến cuối bài, lời thơ khép lại nhưng ý lại mở ra: “Tiếng gà trưa” bình dị trở thành tiếng nói quê hương, tiếng nói của những người ruột thịt, của cả dân tộc lúc bấý giờ, gợi cho cháu những suy tư về hạnh phúc, suy tư về niềm tin vào chân lí của cuộc chiến đấu. Tiếng gà ấy nhắc nhở, giục giã người cầm súng chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ những gì chân thật, quý giá nhất. “Vì tổ quốc”, “vì bà”, “vì xóm làng” và cuối cùng cũng là vì những điều bình dị nhất “vì tiếng gà cục tác”, vì “ổ trứng hồng tuổi thơ”. Bài thơ khép lại nhưng những câu thơ năm chữ bình dị, cảm xúc chân thành, lối diễn đạt tự nhiên...vẫn mãi ấm nóng, tỏa sáng hồn người, nhắc nhở em tình cảm yêu mến, biết ơn bà, biết ơn gia đình, đất nước, quê hương. Em hiểu rằng, tình yêu bà chính là khởi nguồn cho tình yêu quê hương, đất nước.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập vào vở;
* Chuẩn bị cho tiết Nói và nghe: Trao đổi về một vấn đề em quan tâm.

*Gợi ý đề tài chuẩn bị trao đổi:*

**Đề 1. Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh hiện nay**

**Đề 2. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta**

**ĐỀ 3. Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích**

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

**I. Mục tiêu: Giúp HS củng cố một số kĩ năng nói và nghe:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống mà mình quan tâm.

- Tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.

- Trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **1. Ôn tập kiến thức** | |
| \*GV yêu cầu HS nhắc lại các kiến thức về kiểu bài nói và nghe: trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm như: Các bước chuẩn bị trước, trong và sau khi nói.  \*HS suy nghĩ, trả lời.  \*GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1. Trước khi nói**  **Chuẩn bị nội dung nói**  **- Bước 1:** Xác định đề tài/vấn đề, người nghe, mục đích, người nghe không gian và thời gian thực hiện/trình bày bài nói. (SGK, tr.30).  **- Bước 2:** Thu thập tư liệu. (SGK, tr.31)  **- Bước 3:** Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng. (SGK, tr.31)  *+Nêu vấn đề và biểu hiện của vấn đề;*  *+ Nguyên nhân;*  *+Tác động: Lợi ích/tác hại; mặt tốt/mặt xấu;*  *+ Bài học: Nhận thức và hành động.*  **- Bước 4:** Dự kiến trao đổi các nội dung mà người nghe phản hồi.  **2. Trình bày bài nói**  - Tập trình bày, lắng nghe nhận xét góp ý và hoàn thiện bài nói  **3. Sau khi nói**  **- Người nghe:** Trao đổi về bài nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng;  **- Người nói:** lắng nghe, phản hồi những ý kiến trên tinh thần cầu thị. |
| **2. Thực hành nói và nghe** | |
| \*GV yêu cầu HS thực hiện theo gợi ý các đề bài đã cho, chuẩn bị bài nói và trình bày theo nhóm (nhóm đôi hoặc 3-4 em, mỗi HS trình bày trong 5 phút).  - HS suy nghĩ, lần lượt thực hiện các bước theo yêu cầu của GV. Tự kiểm tra bài nói bằng BẢNG KIỂM.  - HS khác nghe, góp ý, nhận xét hoạt động nói vào Phiếu.  - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ.  \*GV nhận xét, tuyên dương, rút kinh nghiệm buổi học. | **Gợi ý đề tài trao đổi:**  **Đề 1. Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh hiện nay**  **Đề 2. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta**  **ĐỀ 3. Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích** |

**PHIẾU NHẬN XÉT HOẠT ĐỘNG NÓI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các nội dung nhận xét** | **Các yêu cầu** | **Có** | **Không** |
| **Nội dung bài nói** | Giới thiệu chung về vấn đề |  |  |
| Nêu những suy nghĩ về các khía cạnh khác nhau của vấn đề |  |  |
| Khái quát lại suy nghĩ của vấn đề |  |  |
| **Hình thức trình bày** | Tốc độ nói vừa phải |  |  |
| Âm lượng vừa đủ |  |  |
| Giọng nói truyền cảm |  |  |
| Cử chỉ, dáng điệu đúng mực |  |  |
| Tương tác với người nghe phù hợp |  |  |

**BẢNG KIỂM**

**(Tự kiểm tra bài nói)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| *- Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa.* |  |  |
| *- Mở bài nêu lên suy nghĩ chung được điều em sắp nói.* |  |  |
| *- Thân bài: Em đã trình bày suy nghĩ, bàn luận về các khía cạnh của vấn đề chưa.* |  |  |
| *- Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho đề tài.* |  |  |
| *- Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào bài học nhận thức và hành động của em chưa.* |  |  |

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

**Đề 1. Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh hiện nay**

**Ham mê trò chơi điện tử mà sao nhãng học tập trong học sinh đang là vấn đề khá nhức nhối, được rất nhiều người quan tâm, đặc biệt là các bậc phụ huynh có con nhỏ "nghiện" điện tử.**

Hiện nay, trò chơi điện tử đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của các bạn trẻ trên toàn thế giới. Bất kì nơi nào, bất kì ở đâu, các quán cho thuê máy tính để chơi game với giá vài nghìn đồng, hay còn gọi là quán net, cũng hoạt động hết sức công khai và rầm rộ. Trong quán net thậm chí còn phục vụ cả đồ ăn thức uống, chỗ ngủ qua đêm cho những thượng đế được hoàn toàn tập trung vào công cuộc "cứu thế giới". Từ cổng trường tập trung nhiều học sinh đến những con ngõ nhỏ hẻo lánh, hình thức kinh doanh này đều có đất làm ăn. Với bản tính tò mò, muốn tìm hiểu, thử nghiệm cái hay, cái mới, cùng áp lực học tập từ trường lớp, các bạn học sinh tìm đến trò chơi điện tử với mong muốn xây dựng hình tượng và có cơ hội thể hiện bản thân qua game.

Việc chơi trò chơi điện tử quá nhiều sẽ dẫn tới hành động như gian lận, trốn học lẻn ra quán net, nhịn ăn sáng để có tiền chơi game, thậm chí là lừa đảo, ăn cắp tiền đi chơi. Chơi với một nhóm bạn nghiện game, chắc chắn học sinh cũng sẽ đua đòi giống nhau, dẫn đến một hệ thống bao che, dối trá để được cùng nhau trót lọt. Cách đây gần một thập kỉ, cụm từ "cứu net" đã mang lại nỗi ám ảnh kinh hoàng đối với các bậc phụ huynh khi những thành phần bất hảo như My Sói, Hùng Gấu cầm đầu nhóm học sinh lớp 8, lớp 9 đi gây sự, đánh nhau, bắt ép những học sinh cả nam và nữ không đủ tiền trả tiền net, ép nữ sinh bán dâm trả nợ. Đã có biết bao nhiêu nạn nhân của băng nhóm xã hội đen mới lớn này, và hơn thế nữa, những học sinh được cứu net lại quay lại làm đồng bọn, tay sai cho dân anh chị để được bảo kê, lên mặt với đời.

Nghiện trò chơi điện tử bắt nguồn từ bản thân ý thức mỗi học sinh. Có những bạn vì học hành áp lực, quá căng thẳng mệt mỏi hoặc cảm thấy bản thân bất tài, vô dụng thường tìm đến game như một con đường giải thoát. Sau một màn hình máy tính, các bạn được thoải mái, mặc sức đâm chém, xây dựng cả một đế chế cho mình. Nắm bắt được tâm lý này, các nhà phát triển game không ngừng trau chuốt hình ảnh, đồ họa, mở thêm nhiều cấp độ mới, đồ dùng, trang thiết bị ảo mà phải dùng tiền mới mua được, khiến các bạn ngày càng hiếu thắng, lún sâu vào con đường nghiện ngập. Sự mải chơi, bị dụ dỗ bởi bạn bè xấu cùng tính hấp dẫn của trò chơi điện tử khiến hiếm học sinh nào có thể từ chối được. Giống như một loại ma túy tinh thần, các bạn chơi game sẽ không thể sống nếu không được chơi, được thỏa mãn đam mê giao đấu, chiến thắng trong thế giới ảo.

Hậu quả của việc nghiện game đã quá rõ ràng. Từ thể chất, các bạn học sinh sẵn sàng bỏ ăn, bỏ ngủ, nhịn ăn sáng lấy tiền chơi game, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe. Về mặt tinh thần, người chơi game quá nhiều thường có dấu hiệu ảo tưởng, choáng váng do tiếp xúc với máy tính quá lâu, không thể phân biệt thật giả. Chắn hẳn không ai quên được vụ án thương tâm tại An Giang, cháu cắt cổ bà ngoại vì nghĩ bà có thể hồi sinh như trong trò chơi điện tử. Đó là dấu hiệu của bệnh tâm thần phân liệt, con người không thể sống là chính bản thân mình. Ngoài ra, những sự việc như ăn cắp ăn trộm, cướp của giết người để có tiền chơi game, những người nghiện game tập trung sống thành bầy đàn, quan hệ tập thể, ăn uống và phóng uế tại chỗ,... vẫn ngày ngày được đưa lên các mặt báo để cảnh tỉnh về việc nghiện game vô độ. Ai dám khẳng định bản thân sẽ không bao giờ có thể nghiện game và chỉ chơi một lần cho biết? Sức hấp dẫn của trò chơi điện tử có thể đánh gục bất cứ một ai đã sa chân vào nó. Ngoài ra, việc tương tác với những người chơi khác trên mạng rất dễ dẫn đến việc bị dụ dỗ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản vì nhẹ dạ cả tin, cung cấp thông tin cá nhân mà không hề đề phòng rủi ro có thể gặp phải.

Nghiện game là một căn bệnh, muốn chấm dứt cần có sự can thiệp về tâm lý của cả gia đình, nhà trường và xã hội. Các bậc phụ huynh cần quản lý giờ giấc và thói quen sinh hoạt của con em chặt chẽ, nhà trường cần quán xuyến, đồng thời tổ chức những trò chơi, giao lưu hoạt động thể chất lành mạnh thu hút sự chú ý của các em. Đặc biệt, mỗi học sinh cần tự có ý thức tiết chế bản thân, tìm đến game với đúng mục đích giải trí, tăng cường tư duy của nó. Game không có tội, người nghiện game mới có tội nên hãy nhìn lại bản thân, uốn nắn và điều chỉnh kịp thời trước khi quá muộn.

Phải thừa nhận, trò chơi điện tử có cả mặt lợi và mặt hại, tuy nhiên, việc quá đam mê điện tử để sao nhãng học tập thì hoàn toàn sai, nhất là lứa tuổi học sinh, độ tuổi còn cần tập trung rèn luyện kĩ năng sống và học tập. Là công dân toàn cầu tương lai, là mầm non của xã hội, đừng núp mình và làm nô lệ cho công nghệ, hãy chinh phục game và áp dụng nó vào đời sống, để trò chơi điện tử trở thành đúng bản chất giải trí lành mạnh ban đầu.

**Đề 2. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta**

Bảo vệ môi trường thiên nhiên chính là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Đây là một ý kiến hết sức đúng đắn.

    Môi trường thiên nhiên là toàn bộ điều kiện tự nhiên xung quanh như đất, nước, không khí, hệ sinh thái... Bảo vệ môi trường thiên nhiên nghĩa là bảo vệ các yếu tố này và đồng thời đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống con người.

    Môi trường thiên nhiên đem lại rất nhiều lợi ích cho con người. Không khí đem lại nguồn thí thở vô tận cho con người, cung cấp khí oxi duy trì sự sống cho vạn vật. Nguồn nước sạch phục vụ con người sinh hoạt hằng ngày, đóng vai trò chính trong nông nghiệp, ngư nghiệp. Rừng giúp cân bằng hệ sinh thái, ngăn lũ, xói mòn, điều hòa khí hậu. Đất cung cấp nơi ở, nơi trồng trọt chăn nuôi. Cuộc sống của con người sẽ bị đe dọa khi môi trường dần bị hủy hoại. Trái đất nóng lên khiến băng tan, mực nước biển dâng cao có thể nhấn chìm một số nơi. Tầng ozone bị chọc thủng ngăn cản việc bảo vệ con người khỏi các tia bức xạ. Đất đai, nguồn nước bị ô nhiễm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người. Tài nguyên rừng có nguy cơ bị cạn kiệt do nạn chặt phá rừng bừa bãi, gây ra hiện tượng lũ quét, sạt lở đất đe dọa đến tính mạng của con người.

   Để bảo vệ cuộc sống của con người, chúng ta cần phải ý thức bảo vệ môi trường cao hơn. Trồng cây, gây rừng, phủ xanh đồi trọc. Thu gom rác thải, đổ rác đúng nơi quy định, tái chế rác thải đúng cách. Sử dụng điện nước tiết kiệm, vệ sinh nơi ở thật sạch sẽ. Tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường.

    Như vậy, bảo vệ môi trường chính là bảo vệ cuộc sống của con người. Là một học sinh, em ý thức rõ được trách nhiệm của bản thân cần phải giữ gìn và bảo vệ môi trường ngày càng xanh sạch đẹp hơn.

**ĐỀ 3. Nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích**

Việc học hành có tầm quan trọng đặc biệt với mỗi người. Nhưng một số bạn học sinh lại lơ là không biết được rằng: nếu khi còn trẻ ta không chịu khó học tập thì lớn lên sẽ chẳng làm được việc gì có ích! Những bạn học sinh ấy cần sửa đổi chịu khó học hành để giúp ích cho cuộc sống.

Như chúng ta đã biết, ai sinh ra và lớn lên cũng đều mong sau này sẽ trở thành người có ích. Để làm được điều đó, con người cần phải có tri thức - lĩnh vực đòi hỏi con người phải học tập chăm chỉ, không ngừng tích lũy mới có được. Vậy chúng ta cần hiểu: học tập là gì? “Học tập” là quá trình tiếp tu tri thức, kĩ năng,… vốn có của nhân loại thông qua nhà trường và cuộc sống. Mục đích của việc học là không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết nhằm phục vụ cho bản thân, gia đình và xã hội. “Học” còn là quá trình bồi đắp tâm hồn, rèn giũa nhân cách của mỗi cá nhân. Việc học phải tiến hành ngay từ khi ta còn trẻ. Bởi có tri thức và nhân cách tốt, sau này mới có thể làm được việc có ích, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong lớp có nhiều bạn đã xác định đúng đắn mục đích học tập, đạt thành tích cao khiến cha mẹ, thầy cô vui lòng. Nhưng bên cạnh đó còn một số bạn chưa hiểu hết ý nghĩa của việc học dẫn đến chểnh mảng, lơ là trong học tập. Các bạn còn mải chơi, bỏ học, trốn tiết, ham đánh điện tử, lười làm bài tập,… nên kết quả ngày càng thấp kém, làm mọi người buồn lòng. Các bạn ấy phải nhanh chóng thay đổi, nếu không sau này sẽ hối tiếc.

Bởi lẽ, tuổi trẻ là lứa tuổi mà cha mẹ, xã hội tạo mọi điều kiện để cho ta học tập. Tuổi trẻ cũng là lứa tuổi nhanh nhạy, dễ dàng tiếp thu kiến thức, cái mới nhất. Càng lớn tuổi, việc học sẽ càng trở nên khó khăn hơn. Ví dụ cứ thử so sánh việc học ngoại ngữ của một em bé Tiểu học với một người lớn tuổi sẽ thấy sự khác biệt lớn như thế nào. Cha ông ta thường nói: “Ấu bất học, lão hà vi” (Trẻ không học, già chẳng làm được gì). Học tập lúc còn trẻ chính là rèn luyện, tao khả năng học tập sau này. Hay nói cách khác, tuổi trẻ mà không học sẽ khó trở thành người có ích. Nếu lơ là học tập khi còn nhỏ, lớn lên, ta sẽ không có đủ kiến thức vào đời. Thử hỏi cuộc sống của một người trưởng thành sẽ ra sao nếu không tự mình viết nổi một lá đơn xin việc hay thực hiện những phép tính đơn giản? Học tập là một quá trình lâu dài theo một hệ thống từ thấp đến cao, từ dễ đến khó, từ cơ bản đến phát triển nâng cao. Trong đó, các lớp dưới là gốc rễ, là nền tảng. Nếu ta không nắm bắt được kiến thức cơ bản thì càng học cao, ta lại càng không hiểu gì. Chính vì vậy, ngay từ đầu, ta phải chịu khó học tập vì nếu ta lơ là thì kiến thức sẽ bị mai một dần, không có nền tảng. Thực tế, có rất nhiều bạn đến lớp không chú ý nghe giảng, không chịu khó đầu tư suy nghĩ, phụ thuộc nhiều vào những bài làm mẫu dẫn đến đầu óc trì trệ, thiếu tính sáng tạo. Trình độ học vấn thấp dẫn đến trình độ suy nghĩ, tiếp thu kém, do đó không có khả năng làm tốt bất cứ công việc nào. Ví như người nông dân dù cần mẫn trên đồng ruộng đến đâu, nếu không có tri thức về cách gieo trồng, chăm sóc cây, cải tạo đất đai, không biết áp dụng khoa học kĩ thuật thì không thể đạt được năng suất cao, thậm chí mất mùa, đói kém. Trong thời đại khoa học kĩ thuật phát triển nhanh chóng như hiện nay, nếu không học, chúng ta sẽ không thể đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, không thể khẳng định được bản thân. Tuổi trẻ thiếu kinh nghiệm, thường dễ sa ngã. Học hành không tới nơi tới chốn, bị bạn xấu rủ rê, sa vào tệ nạn xã hội dần dần sẽ hạn chế trong cách sống, cách giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh, thậm chí dần mất đi nhân cách, mất khả năng làm việc, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Thế hệ trẻ là chủ nhân tương lai của đất nước. Mỗi cá nhân nếu tích cực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ góp phần rất lớn vào sự phát triển của nước nhà. Có biết bao tấm gương ham học, chủ động sáng tạo đã thành công , mang lại vinh quang cho cá nhân và là niềm tự hào của gia đình, quê hương, đất nước. Ở nước ta, thời Trần có Nguyễn Hiền vốn chỉ là một cậu bé nhà nghèo nhưng vì ham học, biết tận dụng mọi thời gian, kiên trì vươn lên để học tập mà mười ba tuổi đã đỗ Trạng nguyên, trở thành Trạng nguyên trẻ tuổi nhất nước ta. Gần đây, năm 2005, Ngô Bảo Châu đã được phong hàm vị giáo sư. Vị giáo sư trẻ tuổi nhất Việt nam này còn được tặng giải thưởng Fields – giải thưởng Toán học cao quý nhất thế giới. Thành công ấy cũng nhờ sự siêng năng tìm tòi sáng tạo, lòng nhiệt huyết trong học tập, nghiên cứu mà có được. Nhìn ra thế giới cũng có nhiều tấm gương rất đáng khâm phục về tinh thần tự học, tự vươn lên trong học tập như: nhà khoa học người Pháp Lu-i Pa-xtơ lúc học phổ thông chỉ là một học sinh trung bình, về môn Hóa ông đứng hạng 15 trong số 22 học sinh của lớp. Nhưng với lòng kiên trì, ham học, ông đã trở thành một nhà khoa học nổi tiếng – người đặt nền móng cho ngành vi sinh vật học cận đại. Một tấm gương nữa là Lep Tôn-xtôi, tác giả của bộ tiểu thuyết nổi tiếng “Chiến tranh và hòa bình” bị đình chỉ học đại học vì “vừa không có ý chí học tập, vừa không có năng lực” nhưng vẫn vươn lên trở thành một nhà văn vĩ đại. Ngày nay, yêu cầu học tập đặt ra với tất cả mọi người, kể cả người tàn tật. Ở nước ta không thiếu những tấm gương sáng về tinh thần hiếu học, ham học hỏi và ý chí vươn lên trở thành người có ích. Anh Nguyễn Ngọc Kí bị liệt cả hai tay từ thủa nhỏ nhưng nhờ kiên trì vượt khó, nỗ lực học tập mà đã trở thành nhà giáo ưu tú, được bao thế hệ học trò quý trọng, mến yêu. Cô gái Việt Anh bị hỏng cả hai mắt nhưng không cam chịu số phận, đã tự mình vươn lên đã trở thành chủ nhân của hai chiếc bằng đại học loại giỏi và là chuyên gia công nghệ thông tin của Hội người mù tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy, nỗ lực học tập ngay từ khi còn trẻ sẽ mang lại thành công lớn cho cuộc đời.

Từ những dẫn chứng trên, chúng ta có thể thấy rằng thế hệ trẻ phải chủ động, tích cực học tập. Không học tập sẽ không thể tự trang bị cho mình bất kì kiến thức nào để tự tin bước vào đời. Mỗi tấm gương là một bài học để chúng ta học tập và noi theo. Bản thân mỗi người cần thấy rõ việc học tập là thường xuyên, suốt đời. Có nhiều con đường để học tập thành công : học ở thầy, học ở bạn, học từ thực tế cuộc sống, tự học…Bản thân chúng ta cần thấy rõ việc học tập để trở thành người có ích cho tương lai vừa là quyền lợi, trách nhiệm vừa là nghĩa vụ của bản thân, đặc biệt trong thời đại nhân loại bước vào nền kinh tế tri thức và đất nước đang đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tóm lại, việc học là rất cần thiết để sống có ích, có ý nghĩa. Thế hệ trẻ ngày nay cần phải học tập tự giác, tích cực, xây dựng phong trào học tập không ngừng… để khẳng định được giá trị của bản thân, góp phần vào sự tiến bộ của quê hương, đất nước.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

* Hoàn thiện các bài tập nói nghe vào vở; tự luyện tập theo nhóm ở nhà.

- Chuẩn bị các nội dung đã ôn tập của bài 2 để làm bài kiểm tra tổng hợp.

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**BUỔI:**

**ÔN LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**I. Mục tiêu cần đạt**

- HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

- HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

**II. Thiết bị và học liệu**

- Máy chiếu, ti vi, đề kiểm tra in sẵn.

**III. Tổ chức dạy học**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

\***Cách 1**.GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS. HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút. HS làm việc cá nhân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- GV quan sát, khích lệ HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ bốn chữ | **6** | **1/2** | **2** | **1/2** | **0** | **1** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ *Lượm* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***30*** | ***0,25*** | ***10*** | ***10,75*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30,25** | | **20,75%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7**

**(THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ bốn chữ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, cách gieo vần, hoàn cảnh xuất hiện nhân vật, hình ảnh miêu tả nhân vật, cấu tạo câu thơ, phép tu từ hoán dụ.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được đặc điểm nhân vật.  - Xác định được ý nghĩa câu thơ.  - Nêu được tác dụng của phép tu từ nói giảm nói tránh.  **Vận dụng**:  - Trình bày được cảm xúc sau khi đọc bài thơ. | 6 TN  1/2TL | 2TN  1/2TL | 1TL |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Lượm* của Tố Hữu. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Lượm* của Tố Hữu. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **6 TN**  **1/2TL** | **2TN**  **1/2TL** | **1 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30,25*** | ***20,75*** | ***0*** | ***40*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ BÀI KIỂM TRA TỔNG HỢP**

**MÔN NGỮ VĂN 7**

(Thời gian làm bài: 90 phút)

**Phần I. ĐỌC** (6,0 điểm)

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày Huế đổ máu Chú Hà Nội về Tình cờ chú cháu Gặp nhau Hàng Bè.  Chú bé loắt choắt Cái xắc xinh xinh Cái chân thoăn thoắt Cái đầu nghênh nghênh  Ca-lô đội lệch Mồm huýt sáo vang Như con chim chích Nhảy trên đường vàng...  - “Cháu đi liên lạc Vui lắm chú à Ở đồn Mang Cá Thích hơn ở nhà!”  Cháu cười híp mí, Má đỏ bồ quân: - “Thôi, chào đồng chí!” Cháu đi xa dần...  Cháu đi đường cháu Chú lên đường ra Đến nay tháng sáu Chợt nghe tin nhà.*  *Ra thế Lượm ơi!*  *Một hôm nào đó Như bao hôm nào Chú đồng chí nhỏ Bỏ thư vào bao* | *Vụt qua mặt trận Đạn bay vèo vèo Thư đề “Thượng khẩn” Sợ chi hiểm nghèo?  Đường quê vắng vẻ Lúa trổ đòng đòng Ca-lô chú bé Nhấp nhô trên đồng...  Bỗng loè chớp đỏ Thôi rồi, Lượm ơi! Chú đồng chí nhỏ Một dòng máu tươi!  Cháu nằm trên lúa Tay nắm chặt bông Lúa thơm mùi sữa Hồn bay giữa đồng...  Lượm ơi, còn không?  Chú bé loắt choắt Cái xắc xinh xinh Cái chân thoăn thoắt Cái đầu nghênh nghênh  Ca-lô đội lệch Mồm huýt sáo vang Như con chim chích Nhảy trên đường vàng...*  1949(Tố Hữu,*Việt Bắc,* NXB Văn học, 1962) |

***Em hãy viết đáp án (từ câu 1 đến câu 8) bằng cách ghi chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất vào bài làm (4,0 điểm).***

**Câu 1.** Văn bản được viết theo thể thơ nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Năm chữ | B. Bốn chữ | C. Bảy chữ | D. Tám chữ |

**Câu 2.** Bài thơ chủ yếu được gieo vần:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Vần cách | B. Vần liền | C. Vần chân | D. Vần hỗn hợp |

**Câu 3.** Trong bài thơ, chú bé Lượm xuất hiện trong những hoàn cảnh nào?

A. Ngày Huế đổ máu; đi đưa thư, đạn bay vèo vèo.

B. Ngày ở đồn Mang Cá.

C. Ngày còn nhỏ, ở nhà đi học.

D. Ngày Huế lập lại hoà bình sau chiến tranh.

**Câu 4.** Hình ảnh chú bé Lượm được khắc hoạ qua những phương diện nào?

A. Diện mạo, suy nghĩ.

B. Lời nói, trang phục, cử chỉ.

C. Lời nói, cử chỉ, suy nghĩ.

D. Lời nói, diện mạo.

**Câu 5.** Chú bé Lượm hiện lên với những đặc điểm gì?

A. Nhỏ nhắn, thông minh, hoạt bát, năng động.

B. Nhỏ nhắn, thông minh, chăm chỉ học tập.

C. Nhỏ nhắn, chăm chỉ học tập lao động, giúp đỡ những người xung quanh.

D. Nhỏ nhắn, vui tươi, hồn nhiên, chân thật, đáng yêu; nhanh nhẹn, dũng cảm.

**Câu 6.** Câu thơ nào sau đây có cấu tạo đặc biệt?

|  |  |
| --- | --- |
| A. *Thôi rồi, Lượm ơi!*  *Chú đồng chí nhỏ* | B. *Như con chim chích*  *Nhảy trên đường vàng* |
| C. *Ra thế*  *Lượm ơi!...*  *Lượm ơi, còn không* | D. *Chú đồng chí nhỏ*  *Bỏ thư vào bao* |

**Câu 7.** Ý nghĩa của câu thơ có cấu tạo đặc biệt trong việc biểu hiện cảm xúc của tác giả là gì?

A. Tạo ra khoảng lặng giữa dòng thơ, diễn tả sự đau xót đột ngột như một tiếng nấc nghẹn ngào của nhà thơ.

B. Tạo ra khoảng trống giãn cách, diễn tả sự ngỡ ngàng của nhà thơ.

C. Tạo ra khoảng trống cho dễ đọc, diễn tả tâm trạng hồi hộp của nhà thơ.

D. Tạo ra khoảng trống cho bài thơ, dễ thể hiện tình cảm cảm xúc của nhà thơ.

**Câu 8.** Câu thơ “*Ngày Huế đổ máu*” sử dụng biện pháp tu từ gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Ẩn dụ | B. So sánh | C. Nhân hoá | D. Hoán dụ |

**Từ câu 9 đến câu 10, em hãy viết câu trả lời của mình vào bài làm.**

**Câu 9.** (1,0 điểm)Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh trong khổ thơ sau:

*Bỗng loè chớp đỏ  
Thôi rồi, Lượm ơi!  
Chú đồng chí nhỏ  
Một dòng máu tươi!*

**Câu 10.** (1,0 điểm)Hình ảnh chú bé Lượm trong bài thơ đã gợi cho em những cảm xúc gì?

**Phần II. Viết** (4,0 điểm)

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Lượm* của Tố Hữu.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần/câu** | **Nội dung**  **(Cách cho điểm)** | **Điểm** |
| **I.** | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **1B** | **2C** | **3A** | **4B** | **5D** | **6C** | **7A** | **8D** |   **Mỗi câu trả lời đúng cho: 0,5đ** | **4,0** |
| **9** | * Chỉ rõ biện pháp tu từ nói giảm nói tránh: *Thôi rồi* (chỉ cái chết). * *Trả lời đúng như đáp án: 0,25 điểm.* * Nêu tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh:   + Nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn, nặng nề khi Lượm đã hy sinh;  + Diễn tả sự đau thương của tác giả khi chứng kiến Lượm đã ra đi.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời đúng 02 ý: 0,75 điểm.*  *- Trả lời đúng 01 ý: 0,25 điểm.* | 0,25  0,75 |
| **10** | Hình ảnh chú bé Lượm trong bài thơ đã gợi những cảm xúc:   * Thân thương trìu mến; * Đau đớn, xót thương; * Tự hào, cảm phục; * Biết ơn, trân trọng…   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời đúng mỗi ý:0,25 điểm.* | 1,0 |
| **II** | **LÀM VĂN** | **4,0** |
|  | **Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ *Lượm* của Tố Hữu.** |  |
| ***a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn:***  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
| ***b. Xác định đúng vấn đề:***  Ghi lại cảm xúc về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ. | 0,25 |
| ***c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:***  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| \*Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận.  ***Hướng dẫn chấm****: Phần giới thiệu tên tác giả, tác phẩm: 0,25 điểm; nêu ấn tượng chung: 0,25 điểm.* | 0,25 |
| ***\*Nêu cảm xúc về bài thơ:*** trích thơ rồi lần lượt chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v…. trong từng câu thơ, giải mã đúng từ ngữ, hình ảnh đó để thấy được những cái hay, cái đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Cảm nhận đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm - 3,0 điểm.*  *- Cảm nhân đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,5 điểm - 2,25 điểm.*  *- Cảm nhận chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,5 điểm -1,25 điểm.* | 2,0 |
| ***\*Nhận xét đánh giá bài thơ:***  + Đánh giá về nội dung, tư tưởng của bài thơ. (Nét đặc sắc về nội dung của bài thơ là gì? Thành công/hạn chế?).  + Đánh giá về nghệ thuật biểu hiện đặc sắc (Thành công/hạn chế?).  + Đánh giá về phong cách tác giả (Qua bài thơ, em thấy tác giả là người như thế nào; có thể nói thêm những đặc điểm về phong cách nghệ thuật và đóng góp của nhà thơ trên văn đàn lúc bấy giờ).  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,25 |
| **d. Chính tả, ngữ pháp:**  - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
| **e. Sáng tạo:**  - Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  **Hướng dẫn chấm***:* Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình cảm nhận, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác, với thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | **10,0** |

**GỢI Ý NỘI DUNG ĐOẠN VĂN:**

**\*Mở đoạn:** Một trong những bài thơ hay viết về đề tài thiếu nhi làm liên lạc chính là bài “Lượm” của nhà thơ Tố Hữu. Tác giả sáng tác bài thơ này vào năm 1949, trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Bài thơ đã để lại trong em những ấn tượng sâu sắc. Đặc biệt, hình ảnh nhân vật Lượm đã làm rung cảm tâm hồn em bởi sự hồn nhiên, ngây thơ và sự hy sinh anh dũng của “Lượm” trong một lần chuyển thư “thượng khẩn”.

**\*Thân đoạn: Lần lượt nêu cảm nhận**

**1. Lượm là cậu bé hồn nhiên, ngây thơ và ngộ nghĩnh:**

- Lượm có dáng người bé nhỏ “loắt choắt”, chiếc mũ ca lô luôn đội lệch trên đầu. Bé nhỏ nhưng Lượm thật nhanh nhẹn và hoạt bát. Cụm từ “cái chân thoăn thoắt” đã phần nào nói lên điều đó.

- Lượm hiện lên trước mắt em thật ngộ nghĩnh và đáng yêu:

*“Chú bé loắt choắt*  
*Cái xắc xinh xinh*  
*Cái chân thoăn thoắt*  
*Cái đầu nghênh nghênh.*

*Ca lô đội lệch*  
*Mồm huýt sáo vang*  
*Như con chim chích*  
*Nhảy trên đường vàng”*

- Một loạt từ láy “loắt choắt”, “xinh xinh” ''thoăn thoắt”, “nghênh nghênh”cộng với điệp từ “cái” có giá trị gợi tả hết sức đặc sắc. Nó có tác dụng tạo nên bức chân dung nhỏ nhắn mà nhanh nhẹn, hoạt bát rất đáng yêu của người liên lạc nhỏ.

- Sự hồn nhiên, ngây thơ của Lượm còn được thế hiện qua niềm vui khi bản thân được làm liên lạc. Lời đối thoại của Lượm với tác giả đã giúp ta khẳng định được Lượm rất vui sướng khi được trở thành người chiến sĩ nhỏ:

*“Cháu đi liên lạc*  
*Vui lắm chú à*  
*Ở đồn Mang Cá*  
*Thích hơn ở nhà*

*Cháu cười híp mí*  
*Má đỏ bồ quân*  
*Thôi chào đồng chí*  
*Cháu đi xa dần”*

- Bằng những từ trực tiếp miêu tả cảm xúc “vui”, “thích”, “cười”, "má đỏ”..., một lần nữa, tác giả khẳng định việc được tham gia chiến đấu chống kẻ thù bảo vệ đất nước là niềm vui của thế hệ trẻ Việt Nam.

**2. Lượm là người có tinh thần dũng cảm, sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ được giao**

- Lượm rất dũng cảm trong khi làm nhiệm vụ:

*“Vụt qua mặt trận*  
*Đạn bay vèo vèo*  
*Thư đề Thượng khẩn*  
*Sợ chi hiểm nghèo*

- Để thư “Thượng khẩn” nhanh tới tay người nhận, Lượm đâu quản hiểm nguy. - Từ “sợ chi” mang nghĩa khẳng định ý chí chiến đấu của người liên lạc nhỏ.

- Đẹp biết bao hình ảnh chiếc mũ ca lô nhấp nhô trên cánh đồng lúa đang làm đòng:

- Đường quê vắng vẻ Lúa trổ đòng đòng Ca lô chú bé Nhấp nhô trên đồng.

- Nhưng rồi, Lượm đã ngã xuống trên cánh đồng quê khi đang làm nhiệm vụ đưa thư “Thượng khẩn”:

*“Bỗng lòe chớp đỏ*  
*Thôi rồi, Lượm ơi!*  
*Chú đồng chí nhỏ*  
*Một dòng mẫu tươi”*

- Lời thơ như nghẹn ngào vì đau đớn trước sự hi sinh của Lượm. Lượm ngã xuống nhưng hồn Lượm vẫn bay giữa đồng lúa thơm ngạt ngào mùi sữa:

*“Cháu nằm trên lúa*  
*Tay nắm chặt bông*  
*Lúa thơm mùi sữa*  
*Hồn bay giữa đồng”*

- Đây là khổ thơ hay nhất nói về sự hi sinh của những người chiến sĩ. Hương thơm của cánh đồng lúa đang bao bọc, chở che hồn người chiến sĩ tuổi thiếu niên. Không gian nhẹ nhàng mà thiêng liêng bởi có cái thoáng đãng của cánh đồng quê, có vị thơm ngạt ngào của mùi sữa khi lúa trổ đòng... Tất cả giang rộng vòng tay đón Lượm trở về với đất mẹ.

**\*Kết đoạn**: Khái quát: nghệ thuật miêu tả nhân vật kết hợp với kể và biểu hiện cảm xúc, tác giả đã khắc họa thành công nhân vật Lượm. Lượm là người hồn nhiên, ngây thơ nhưng rất dũng cảm. Lượm đã hi sinh anh dũng trong khi làm liên lạc. Anh chính là tấm gương sáng ngời cho tất cả chúng em noi theo. Tác phẩm đã khép lại nhưng hình ảnh Lượm mãi mãi lưu giữ trong trái tim em. Em yêu quý và cảm phục người thiếu niên anh hùng đã vui vẻ hi sinh vì quê hương đất nước.

**\*Đánh giá toàn bài:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mức điểm** | **Mức độ đánh giá** |
| **4,0** | - Đảm bảo đầy đủ yêu cầu về kiến thức, kĩ năng; lời văn trong sáng; thuyết phục. |
| **3,75 - 2,75** | - Đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng nhưng còn mắc một vài lỗi diễn đạt. |
| **2,5 - 1,5** | - Đảm bảo yêu cầu cơ bản nhưng chưa rõ ràng. |
| **1,25 - 0,25** | - Bài tóm tắt còn sơ sài, chưa rõ sự việc, nhân vật chính. |
| **0,0** | - Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên. |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Chương trình Ngữ văn 2018.

- SGK, SGV *Ngữ văn 7, Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung các Modun tập huấn của Bộ GD&ĐT.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- Thanh Mai (chủ biên), *Bồi dưỡng Ngữ văn 7*, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Nguyễn Văn Tùng (Tổng chủ biên), *Đọc hiểu mở rộng văn bản Ngữ văn 7*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021.